



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

12

Tháng 6 - 2019

BỘ XÂY DỰNG LẤY Ý KIẾN GÓP Ý CHO DỰ THẢO BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 VÀ DỰ THẢO CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ QUỐC GIA 2021 - 2030

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2019



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì buổi Hội thảo



Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Nguyễn Tường Văn phát biểu tổng kết và tiếp thu ý kiến tại Hội thảo

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MƯƠI

12

SỐ 12 - 6/2019



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch 5
- Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ 8
- Chính phủ ban hành Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi, đề điều, phòng, chống lũ của tuyến sông có đê 11

Văn bản của địa phương

- UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố 13

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH

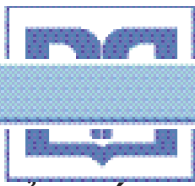
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu các dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam về an 17
toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá
- Nghiệm thu các Dự án sự nghiệp kinh tế do Vụ 18
Pháp chế thực hiện
- Hội thảo tham vấn Đề xuất hệ thống dán nhãn năng 20
lượng, đo lường và kiểm định hiệu quả năng lượng
công trình tại Việt Nam
- Các mô hình thiết bị TKNL hoạt động ổn định, đáp 22
ứng tốt yêu cầu về đào tạo, thực hành TKNL cho các
tòa nhà
- Phương pháp phân tích thông số năng lượng để tính 23
giá trị truyền nhiệt tổng cho Việt Nam
- Các muối clo trong phụ gia và bê tông 26

Thông tin

- Bộ Xây dựng lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Báo cáo 31
đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam giai đoạn
2011 - 2020 và Dự thảo Chiến lược phát triển đô thị
quốc gia 2021 - 2030
- Hội thảo góp ý kiến cho dự thảo Luật sửa đổi, bổ 33
sung một số điều của Luật Xây dựng 2014
- Sở Xây dựng Bắc Ninh triển khai hiệu quả các 35
nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2019
- Đặc điểm kiến trúc của các tổ hợp công trình công 38
cộng tại khu vực ven bờ ở các thành phố lớn trên thế
giới
- Xu hướng chuyển đổi của các doanh nghiệp xây 45
dựng vừa và nhỏ
- Quản lý giám sát chất lượng công trình xây dựng 48



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 37/2019/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

Nội dung quy hoạch

Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia

1. Quy định tại điểm a khoản 2 Điều 22 Luật Quy hoạch.

2. Xác định quan điểm và mục tiêu phát triển

- Quan điểm về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch;

- Quan điểm về tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Xây dựng mục tiêu tổng quát và các mục tiêu cụ thể về phát triển quốc gia trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 30 đến 50 năm.

3. Định hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội:

- Xác định vùng trọng điểm đầu tư, vùng khuyến khích phát triển và vùng hạn chế phát triển; các khu vực lãnh thổ cần bảo tồn, cấm khai thác, sử dụng;

- Định hướng phân bố không gian phát triển các ngành mũi nhọn, các lĩnh vực ưu tiên phát triển trong thời kỳ quy hoạch.

4. Định hướng phát triển không gian biển:

- Xác định không gian biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam có thể đưa vào khai thác, sử dụng trong thời kỳ quy hoạch;

- Xác định vùng cấm khai thác, vùng khai thác, sử dụng có điều kiện trong phạm vi không gian biển trong thời kỳ quy hoạch;

- Định hướng sử dụng không gian biển cho các ngành, lĩnh vực có nhu cầu sử dụng không gian biển.

5. Định hướng sử dụng đất quốc gia

- Xây dựng nguyên tắc định hướng sử dụng đất;

- Định hướng sử dụng đất đến từng vùng theo các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất quốc phòng, đất an ninh, đất khu công nghiệp, đất khu kinh tế, đất đô thị, đất phát triển cơ sở hạ tầng.

6. Định hướng khai thác và sử dụng vùng trời:

- Xác định các vùng thông báo bay;

- Xác định vùng trời khai thác có điều kiện;

- Xác định vùng trời cấm khai thác và vùng trời cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh.

7. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia:

- Xác định quan điểm, nguyên tắc phát triển đô thị và nông thôn trong thời kỳ quy hoạch;

- Định hướng phát triển tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn;

- Định hướng phân bố các vùng đô thị lớn và mối liên kết giữa các vùng đô thị lớn trong toàn quốc;

- Định hướng phân bố dân cư các vùng lãnh thổ.

8. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia:

Xác định phương hướng phát triển, phân bố không gian, nguồn lực trong thời kỳ quy hoạch đối với mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; kết cấu hạ tầng năng lượng, điện lực, dự trữ,

cung ứng xăng dầu khí đốt; hạ tầng thông tin và truyền thông; hệ thống công trình phòng, chống thiên tai và hệ thống thủy lợi; hệ thống cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá; mạng lưới trạm khí tượng thủy văn và quan trắc môi trường; hệ thống hạ tầng phòng cháy và chữa cháy; hệ thống công trình quốc phòng, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng.

9. Định hướng sử dụng tài nguyên quốc gia

- Định hướng khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ; khai thác, sử dụng tài nguyên nước; bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Định hướng điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản; thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng các loại khoáng sản công nghiệp, quặng phóng xạ và khoáng sản làm vật liệu xây dựng.

Nội dung quy hoạch sử dụng đất quốc gia

- Phân tích đánh giá về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, nguồn lực, bối cảnh trực tiếp tác động và thực trạng sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực:

+ Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên và môi trường;

+ Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội; thực trạng phát triển các ngành, lĩnh vực; tình hình dân số, lao động, việc làm và thu nhập, tập quán có liên quan đến sử dụng đất; thực trạng phát triển đô thị và phát triển nông thôn;

+ Phân tích, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất;

+ Phân tích đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai liên quan đến việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, gồm hiện trạng sử dụng đất theo từng loại đất, biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong kỳ quy hoạch trước, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường trong việc sử dụng đất;

- Định hướng sử dụng đất trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 30 đến 50 năm.

- Xây dựng phương án sử dụng đất đáp ứng mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xác định và khoanh định cụ thể diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia, bao gồm:

+ Đất trồng lúa (trong đó có đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ nghiêm ngặt); đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng; đất rừng sản xuất (trong đó có đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên);

+ Đất khu công nghiệp; đất khu kinh tế; đất khu công nghệ cao; đất đô thị; đất quốc phòng; đất an ninh; đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia gồm đất giao thông, đất xây dựng cơ sở văn hóa, đất xây dựng cơ sở y tế, đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính, viễn thông; đất xây dựng kho dự trữ quốc gia, đất có di tích lịch sử - văn hóa; đất bãi thải, xử lý chất thải;

+ Đất chưa sử dụng, gồm đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch và đất chưa sử dụng còn lại.

Nội dung quy hoạch ngành kết cấu hạ tầng quốc gia

- Quy định tại các điểm a, b, d và e khoản 3 Điều 25 Luật Quy hoạch.

- Đánh giá về liên kết liên ngành, liên vùng; xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội đối với ngành; những cơ hội và thách thức phát triển của ngành kết cấu hạ tầng:

+ Đánh giá sự liên kết, đồng bộ của ngành kết cấu hạ tầng trong phạm vi cả nước; sự liên kết, đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng trong nước với khu vực và quốc tế;

+ Đánh giá sự liên kết giữa kết cấu hạ tầng của ngành với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác có liên quan trong phạm vi vùng lãnh thổ;

+ Xác định yêu cầu của phát triển kinh tế - xã

hội đối với ngành kết cấu hạ tầng về quy mô, công nghệ và địa bàn phân bố;

+ Phân tích, đánh giá những cơ hội và thách thức phát triển của ngành trong thời kỳ quy hoạch.

Nội dung quy hoạch vùng

- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của vùng;

+ Hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; tài nguyên thiên nhiên, môi trường; hệ thống đô thị, nông thôn; kết cấu hạ tầng; liên kết nội vùng, liên kết vùng với khu vực và quốc tế; các nguồn lực của vùng đã và đang được khai thác, các tiềm năng chưa được khai thác; các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn vùng;

+ Vị thế, vai trò của vùng đối với quốc gia;

- Quan điểm và mục tiêu phát triển vùng

+ Quan điểm về phát triển vùng, tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ vùng trong thời kỳ quy hoạch;

+ Mục tiêu tổng quát phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 20 đến 30 năm;

+ Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức không gian phát triển vùng trong thời kỳ quy hoạch.

- Phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng vùng:

+ Xây dựng phương án liên kết hệ thống đô thị cấp vùng, liên kết đô thị và nông thôn, liên kết các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp và vùng sản xuất tập trung trên lãnh thổ vùng;

+ Xác định yêu cầu đối với hệ thống kết cấu hạ tầng vùng; xây dựng phương hướng phân bố và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên lãnh thổ vùng đã được xác

định trong quy hoạch cấp quốc gia, phương án liên kết hệ thống kết cấu hạ tầng vùng và liên tỉnh gồm mạng lưới giao thông, mạng lưới cấp điện, cung cấp năng lượng, mạng lưới thủy lợi, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, chuẩn bị kỹ thuật, mạng lưới viễn thông, các khu xử lý chất thải nguy hại và các công trình hạ tầng xã hội cấp vùng.

Nội dung quy hoạch tỉnh

a. Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương:

- Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội, tài nguyên thiên nhiên và môi trường;

- Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia;

- Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển tỉnh;

- Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

b. Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn:

- Đánh giá hiện trạng phát triển kinh tế và thực trạng phát triển các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khả năng huy động nguồn lực;

- Đánh giá thực trạng các ngành và lĩnh vực xã hội của tỉnh gồm dân số, lao động, việc làm, y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, khoa học và công nghệ;

- Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh;

- Đánh giá thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn, các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Xác định những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức.

c. Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh:

- Xây dựng quan điểm về phát triển tỉnh, tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;

- Xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;

- Mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh trong thời kỳ quy hoạch 10 năm, tầm nhìn từ 20 đến 30 năm;

- Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường gắn với tổ chức, sắp xếp không gian phát triển của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;

d. Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện:

- Định hướng sử dụng đất của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất, bao gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh gồm: Đất trồng cây lâu năm; đất ở tại nông thôn; đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở cơ quan; đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp; đất xây dựng cơ sở ngoại giao; đất cụm công nghiệp; đất thương mại - dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất di tích

lịch sử - văn hóa; đất danh lam thắng cảnh; đất phát triển hạ tầng cấp tỉnh gồm đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao, đất giao thông, đất thủy lợi, đất công trình năng lượng, đất công trình bưu chính viễn thông; cơ sở tôn giáo; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng;

- Xác định chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng gồm khu sản xuất nông nghiệp, khu lâm nghiệp, khu du lịch, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, khu phát triển công nghiệp, khu đô thị, khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư nông thôn;

- Tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất, phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất;

- Xác định diện tích các loại đất cần thu hồi để thực hiện các công trình, dự án sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 thực hiện trong thời kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

- Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

- Lập bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

Ngày 13 tháng 6 năm 2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 51/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa

học và công nghệ, chuyển giao công nghệ

Hình thức xử phạt, mức phạt tiền và thẩm quyền xử phạt

- Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

- Mức phạt tiền tối đa trong hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.

- Mức phạt tiền này áp dụng đối với cá nhân. Tổ chức có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền gấp 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

- Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

+ Tước quyền sử dụng có thời hạn từ 01 đến 03 tháng: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ;

+ Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

- Trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt cá nhân.

Biện pháp khắc phục hậu quả

Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

- Buộc cải chính thông tin sai sự thật.

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

- Buộc hủy bỏ hồ sơ, tài liệu có số liệu, nội dung sai sự thật.

- Buộc hủy bỏ báo cáo sai sự thật về tiến độ, nội dung, kết quả nghiên cứu.

- Buộc hoàn trả số tiền đã chiếm dụng bất

hợp pháp.

- Buộc nộp lại số tiền đã sử dụng sai mục đích, sử dụng trùng lặp.

- Buộc nộp lại số tiền không hoàn trả đúng hạn.

- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hóa, vật phẩm, trang thiết bị, phương tiện.

- Buộc hủy bỏ kết quả công nhận giải thưởng.

- Buộc phân chia đúng tỷ lệ phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Hành vi vi phạm hành chính về hoạt động khoa học và công nghệ, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

Vi phạm quy định về hoạt động của hội đồng khoa học và công nghệ

- Phạt cảnh cáo đối với thành viên hội đồng khoa học và công nghệ không thực hiện đúng thủ tục hoặc đánh giá, chấm điểm không đúng với các tiêu chí do cơ quan nhà nước, có thẩm quyền quy định khi tư vấn, thẩm định, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với thành viên hội đồng khoa học và công nghệ công bố, cung cấp thông tin. liên quan đến quá trình đánh giá, nhận xét và kết quả tư vấn khi chưa được sự cho phép của cơ quan quyết định thành lập hội đồng.

Vi phạm quy định về đăng ký thông tin nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mua bằng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại cơ

quan nhà nước có thẩm quyền.

Vi phạm quy định về báo cáo, đăng ký, triển khai hoạt động và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo tình hình hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ việc thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được phép thành lập.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không đăng ký hoạt động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày được thành lập;

- Không đăng ký thay đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày có thay đổi, bổ sung nội dung ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện không đúng trình tự, thủ tục giải thể tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ.

5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ khi không có Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;

- Tiến hành hoạt động khoa học và công nghệ không đúng lĩnh vực ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài;

- Không duy trì các điều kiện hoạt động như khi đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

6. Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy tờ, tài liệu có nội dung sai sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh, Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài.

7. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài, văn phòng đại diện, chi nhánh ở nước ngoài khi chưa có sự cho phép của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Hành vi vi phạm hành chính về hoạt động chuyển giao công nghệ, hình thức, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

Vi phạm quy định về báo cáo trong hoạt động chuyển giao, đánh giá, giám định công nghệ

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- Không gửi báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ của năm trước tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hợp đồng chuyển giao công nghệ đã được cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ;

- Không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về khoa học và công nghệ nơi thực hiện việc chuyển giao công nghệ khi phổ biến, chuyển giao công nghệ nuôi trồng, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp ở vùng nông thôn, miền

núi, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi không gửi báo cáo định kỳ hằng năm về kết quả hoạt động đánh giá, giám định công nghệ tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhận báo cáo theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ khi điều chỉnh, thay đổi nội dung công nghệ.

Vi phạm trong kinh doanh dịch vụ chuyển giao công nghệ

1. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ không bảo quản, giao lại cho bên sử dụng dịch vụ tài liệu, phương tiện được giao sau khi hoàn thành dịch vụ theo thỏa thuận.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi

sau đây:

- Không duy trì đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Không duy trì đủ các điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

- Bổ sung, mở rộng, thu hẹp lĩnh vực công nghệ đánh giá, giám định hoặc thay đổi chuyên gia đánh giá, giám định công nghệ nhưng không thực hiện thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Chính phủ ban hành Quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi, đề điều, phòng, chống lũ của tuyến sông có đê

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2019/NĐ-CP quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi, đề điều, phòng, chống lũ của tuyến sông có đê

Lập quy hoạch

Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao nhiệm vụ lập quy hoạch cho cơ quan lập quy hoạch.

- Cơ quan lập quy hoạch tổ chức xây dựng,

hoặc thuê tư vấn lập nhiệm vụ lập quy hoạch, trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch.

- Cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn lập quy hoạch, tư vấn thẩm tra quy hoạch; xây dựng quy hoạch và gửi lấy ý kiến theo quy định...

- Cơ quan lập quy hoạch tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý và hoàn thiện quy hoạch trình hội đồng thẩm định quy hoạch.

- Cơ quan lập quy hoạch hoàn thiện quy

hoạch theo kết luận của hội đồng thẩm định quy hoạch, báo cáo Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Nhiệm vụ lập quy hoạch

- Tên quy hoạch
- Căn cứ lập quy hoạch.
- Thời kỳ quy hoạch, phạm vi ranh giới quy hoạch.
- Quan điểm, mục tiêu, nội dung, phương pháp lập quy hoạch.
- Thời hạn lập quy hoạch.
- Thành phần, số lượng và tiêu chuẩn, quy cách sản phẩm quy hoạch.
- Chi phí lập quy hoạch.

Thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định thành lập hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch.
- Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch có ít nhất 09 thành viên, thành phần hội đồng gồm Chủ tịch hội đồng, Phó chủ tịch hội đồng và các thành viên của hội đồng; Chủ tịch hội đồng là Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các thành viên Hội đồng là đại diện Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chuyên gia về quy hoạch.
- Phiên họp thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch được tiến hành khi có mặt ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên hội đồng thẩm định, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.
- Nhiệm vụ lập quy hoạch đủ điều kiện trình phê duyệt khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên hội đồng thẩm định dự họp bỏ phiếu đồng ý thông qua hoặc thông qua có chỉnh sửa.
- Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch:
 - +Tờ trình phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
 - + Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch;
 - + Nhiệm vụ lập quy hoạch;
 - + Tài liệu khác (nếu có).

- Thời gian hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch không quá 30 ngày khi có đủ hồ sơ thẩm định.

Nguyên tắc và nội dung quy hoạch

- Nguyên tắc và nội dung quy hoạch thủy lợi được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 14 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch.
- Nguyên tắc và nội dung quy hoạch đề điều được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 13 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và Điều 15 Luật đề điều.

Nội dung thẩm định quy hoạch

- Sự phù hợp với nhiệm vụ lập quy hoạch đã được phê duyệt.
- Sự phù hợp, tính khoa học, độ tin cậy của phương pháp, giải pháp quy hoạch.
- Sự phù hợp giữa các chuyên đề chính của quy hoạch cần lập.
- Tính gắn kết với quy hoạch kết cấu hạ tầng và các quy hoạch liên quan.
- Tính khả thi của quy hoạch.

Điều chỉnh quy hoạch*Thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch*

Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề.

Căn cứ điều chỉnh quy hoạch

Việc điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; đề điều; phòng, chống lũ của tuyến sông có đề được thực hiện khi có một trong các căn cứ quy định tại Điều 53 Luật Quy hoạch.

Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch

- Trường hợp điều chỉnh làm thay đổi mục tiêu quy hoạch được thực hiện theo quy định tại phần lập quy hoạch và thẩm định, phê duyệt quy hoạch.
- Trường hợp điều chỉnh cục bộ quy hoạch, không làm thay đổi mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể (nếu có) của quy hoạch đã được phê duyệt, được thực hiện như sau:
 - + Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh

trong phạm vi quy hoạch lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

+ Hồ sơ đề nghị điều chỉnh gồm: Văn bản đề nghị điều chỉnh quy hoạch; Báo cáo thuyết minh điều chỉnh và tài liệu khác (nếu có);

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, UBND thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 12/2019/QĐ-UBND quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố.

Quản lý cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển CTRSH từ các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, nơi công cộng đến các điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển

Nguyên tắc:

- Quá trình thu gom và vận chuyển CTRSH từ các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, nơi công cộng đến các điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển (gọi chung là thu gom CTRSH tại nguồn) phải tuân thủ quy định về Quy trình kỹ thuật thu gom CTRSH tại nguồn do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành và các quy định cụ thể của UBND thành phố về phân loại chất thải rắn tại nguồn.

- Điều kiện tham gia hoạt động thu gom CTRSH tại nguồn:

+ Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển toàn bộ CTRSH của các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải đã ký hợp đồng.

+ Thu gom, vận chuyển CTRSH đến các điểm hẹn, trạm trung chuyển bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy

trình quản lý theo quy định.

- Công tác quản lý nhà nước về cung ứng dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn bao gồm các nội dung công việc sau:

+ Quản lý việc tuân thủ hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn và các quy định hiện hành liên quan công tác chuyển giao, thu gom và vận chuyển CTRSH phát sinh từ các cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải, nơi công cộng đến các điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển.

+ Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị liên quan đến cung ứng dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn theo thẩm quyền.

+ Quản lý việc tổ chức thực hiện giá dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn theo quy định.

+ Tiếp nhận, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và các yêu cầu kiến nghị liên quan đến cung ứng dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn theo thẩm quyền.

+ Quản lý việc tổ chức thực hiện giá dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn theo quy định.

+ Thực hiện nghiệm thu chất lượng cung ứng dịch vụ thu gom CTRSH tại nguồn đối với các hợp đồng do cơ quan quản lý nhà nước thực hiện ký hợp đồng.

- Tuyển thu gom CTRSH tại nguồn phải được tổ chức, sắp xếp lại dựa trên nguyên tắc tối ưu cự ly và khối lượng thu gom, khép kín trên địa bàn khu phố tuyến đường của phường, không để tình trạng một chủ thu gom, vận chuyển thu gom rời rạc, đút quăng trên nhiều địa bàn khác nhau, nhưng vẫn đảm bảo nguồn thu nhập của chủ thu gom, vận chuyển CTRSH.

- Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi, có chính sách hỗ trợ các chủ thu gom, vận chuyển CTRSH cung ứng dịch vụ thu gom tại nguồn là cá nhân, hộ kinh doanh sử dụng dưới 10 lao động phát triển quy mô hoạt động lên các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định.

Quy định kỹ thuật về thu gom tại nguồn

- Phương tiện thu gom CTRSH tại nguồn (thủ công và cơ giới) phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Yêu cầu về an toàn kỹ thuật, vệ sinh môi trường (kín, không rò rỉ nước rỉ rác, có nắp đậy).

+ Tuân thủ các quy định hiện hành của Luật giao thông đường bộ Việt Nam.

+ Xung quanh phương tiện phải được sơn hoặc dán đề can phản quang (đối với phương tiện thực hiện vào ban đêm), ghi tên đơn vị chủ quản và trang bị đèn cảnh báo vào ban đêm.

+ Tuân thủ thời gian áp dụng mẫu phương tiện thu gom CTRSH tại nguồn đáp ứng quy cách kỹ thuật thống nhất trên toàn địa bàn thành phố và phục vụ chương trình phân loại CTRSH tại nguồn do UBND thành phố ban hành.

- Thời gian, phương thức chuyển giao và thu gom CTRSH tại nguồn

+ Thời gian chuyển giao và thu gom CTRSH tại nguồn phải đảm bảo kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom tại nguồn với công tác vận chuyển CTRSH và đảm bảo vệ sinh, mỹ quan đô thị.

+ Phương thức chuyển giao và thu gom CTRSH: Cá nhân, hộ gia đình, chủ nguồn thải CTRSH có thể chuyển giao trực tiếp hoặc để sẵn các thiết bị lưu chứa CTRSH trước nhà chờ chủ thu gom, vận chuyển CTRSH đến lấy trong

khoảng thời gian quy định (khuyến khích thực hiện phương thức chuyển giao trực tiếp).

- Tần suất thu gom tại nguồn: Đối với khu vực đông dân cư và trong khu công nghiệp, khu chế xuất, tần suất thu gom tối thiểu là 01 ngày/lần. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, tần suất thu gom tối thiểu 1-2 ngày/lần.

Quản lý cung ứng dịch vụ vận chuyển, trung chuyển CTRSH từ điểm hẹn, trạm trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng hoặc bãi chôn lấp cuối cùng

Nguyên tắc

- Quá trình thu gom, trung chuyển và vận chuyển CTRSH từ các điểm hẹn hoặc trạm trung chuyển đến nơi xử lý, tái chế, tái sử dụng hoặc bãi chôn lấp cuối cùng (gọi chung là vận chuyển, trung chuyển CTRSH) phải tuân thủ quy định Quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, vận hành trạm trung chuyển CTRSH do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành.

- Điều kiện chung tham gia hoạt động vận chuyển, trung chuyển CTRSH:

+ Bảo đảm đủ yêu cầu về nhân lực, phương tiện và thiết bị chuyên dụng để thu gom, vận chuyển, trung chuyển toàn bộ CTRSH từ các điểm hẹn, trạm trung chuyển đến các cơ sở xử lý chất thải theo hợp đồng ký kết.

+ Thu gom, vận chuyển CTRSH đến các cơ sở xử lý chất thải, vận hành trạm trung chuyển bằng các phương tiện, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, lộ trình và quy trình quản lý theo quy định.

Quy định kỹ thuật về điểm hẹn

- Vị trí được lựa chọn làm điểm hẹn phải hạn chế ảnh hưởng đến giao thông, môi trường xung quanh và phải cách xa nơi kinh doanh thực phẩm, cổng bệnh viện, trường học, các khu vực ngoại giao, cơ quan hành chính, các điểm giao lộ.

- Tùy đặc điểm tình hình địa phương, UBND quận, huyện quy định vị trí, thời gian tập kết CTRSH, thời gian hoạt động và quy mô tiếp nhận CTRSH tại điểm hẹn phù hợp, đảm bảo

an toàn giao thông, chất lượng vệ sinh môi trường, kết nối hiệu quả giữa công tác thu gom tại nguồn, vận chuyển và xử lý, hạn chế tối đa hoạt động vào giờ cao điểm và để xe đẩy tay không phải di chuyển khoảng cách quá xa (hơn 01km). Không thiết lập điểm hẹn trong vòng bán kính 01km từ trạm trung chuyển.

- Điểm hẹn phải được vệ sinh và đảm bảo chất lượng vệ sinh theo Quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, vận hành trạm trung chuyển CTRSH do Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành.

Quản lý cung ứng dịch vụ xử lý CTRSH

Quy định kỹ thuật công tác xử lý CTRSH

- Chỉ được áp dụng các công nghệ xử lý CTRSH theo quy định hiện hành và các công nghệ xử lý CTRSH được UBND thành phố phê duyệt theo quy định.

- Việc lựa chọn công nghệ xử lý CTRSH phải đáp ứng các tiêu chí theo các quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện của địa phương.

- Chỉ được thay đổi quy trình vận hành và công nghệ xử lý CTRSH khi được sự đồng ý của UBND thành phố.

- Chủ xử lý CTRSH không được phép tiếp nhận xử lý CTRSH từ các tỉnh thành khác khi chưa có sự cho phép của UBND thành phố.

- Không tiếp nhận chất thải nguy hại. Trường hợp tiếp nhận chất thải nguy hại thì chủ xử lý sẽ bị xử phạt theo các quy định hiện hành về quản lý chất thải nguy hại và chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, xử lý toàn bộ khối lượng chất thải này đến các đơn vị đã được cấp phép bởi các cơ quan chức năng.

Quản lý cung ứng dịch vụ quét, thu gom chất thải rắn đường phố

Quy định kỹ thuật công tác quét dọn, thu gom chất thải rắn đường phố

- Tần suất quét

+ Tần suất chung: 01 lần/ngày

+ Riêng đối với các tuyến đường ngoại ô,

khu dân cư thưa thớt, các tuyến đường đang trong giai đoạn thi công không phát sinh nhiều chất thải, tùy theo đặc thù của từng tuyến đường, UBND quận, huyện xác định tần suất phù hợp (2 -3 lần/tuần).

+ Trường hợp trên hè, đường phố, nơi công cộng có đất, cát, bùn, bụi bắn rơi vãi, có khả năng gây nguy hiểm, mất an toàn giao thông hoặc gây mất mỹ quan đô thị thì UBND phường, xã, thị trấn xác định nguồn gốc chất thải và chỉ đạo, yêu cầu khắc phục trong vòng 01 giờ (trong trường hợp có khả năng gây nguy hiểm, mất an toàn giao thông) hoặc trong 24 giờ (trong trường hợp gây mất mỹ quan đô thị). Đối với chất thải do chủ đầu tư làm rơi vãi thì UBND phường, xã, thị trấn yêu cầu chủ đầu tư khắc phục. Đối với chất thải không xác định được nguồn gốc thì UBND phường, xã, thị trấn chỉ đạo đơn vị dịch vụ vệ sinh môi trường trên địa bàn khắc phục.

Quản lý cung ứng dịch vụ vớt, thu gom chất thải rắn trên sông, kênh, rạch

Quy định công tác vớt, thu gom chất thải rắn trên sông, kênh, rạch: Các tuyến sông, kênh, rạch được thực hiện vớt, thu gom bao gồm: Đơn vị được UBND thành phố phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào mức độ ô nhiễm và cản trở lưu thông dòng chảy, giao thông thủy phối hợp với các đơn vị liên quan để đề xuất danh sách, số lượng các tuyến sông, kênh, rạch cần thực hiện vớt, thu gom trình UBND thành phố xem xét, chấp thuận chủ trương.

- Tần suất vớt: Tùy đặc điểm tình trạng chất thải rắn trên các tuyến sông, kênh, rạch, đơn vị được UBND thành phố phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị UBND thành phố xem xét, chấp thuận tần suất vớt hợp lý.

- Thời gian vớt: Tùy thuộc vào thủy triều, mực nước, điều kiện vị trí địa lý để đề xuất thời gian thực hiện vớt, thu gom chất thải rắn của các tuyến sông, kênh, rạch phù hợp.

- Quy định về kiểm tra, giám sát, xử phạt, nghiệm thu và thanh toán cung ứng dịch vụ vớt, thu gom chất thải rắn trên sông, kênh, rạch

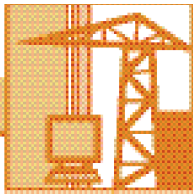
+ Căn cứ quy trình kỹ thuật công tác vớt, thu gom chất thải rắn trên sông, kênh, rạch do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành và các quy định về giao thông thủy, đơn vị được UBND thành phố phân cấp quản lý, khai thác các tuyến sông, kênh, rạch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch và tổ chức lực lượng kiểm tra, giám sát định kỳ, đột xuất để làm cơ sở đánh giá chất lượng dịch vụ, nghiệm thu, thanh toán sản phẩm, dịch vụ.

+ Phương thức kiểm tra, giám sát: Tổ chức

lực lượng thực hiện kiểm tra, giám sát trực tiếp để đánh giá chất lượng cung ứng dịch vụ bằng phương thức trực quan, hình ảnh và thăm dò ý kiến người dân xung quanh về chất lượng dịch vụ bằng phiếu khảo sát. Kết quả kiểm tra, giám sát được xác nhận cụ thể bằng biên bản hiện trường; Ưu tiên sử dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2019.

**Xem toàn văn tại
(www.hochiminh.gov.vn)**



Nghiệm thu các dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá

Ngày 20/6/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu 5 dự thảo Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về an toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá, do nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Xây dựng Hà Nội biên soạn, gồm: TCVN “Máy, thiết bị khai thác và gia công đá tự nhiên - Yêu cầu an toàn cho máy cưa đá nhiều lưỡi”; TCVN “Máy, thiết bị khai thác và gia công đá tự nhiên - Yêu cầu an toàn cho máy cắt bằng dây kim cương”; TCVN “Máy, thiết bị khai thác và gia công đá tự nhiên - Yêu cầu an toàn cho máy xẻ kiểu dẫn động xích và dẫn động đai”; TCVN “Máy, thiết bị khai thác và gia công đá tự nhiên - Yêu cầu an toàn cho máy hoàn thiện bề mặt”; TCVN “Máy, thiết bị khai thác và gia công đá tự nhiên - Yêu cầu an toàn cho máy cắt kiểu cầu, bao gồm bộ điều khiển số”.

Các tiêu chuẩn này được chuyển dịch tương đương từ bộ Tiêu chuẩn quốc tế DIN. Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường PGS.TS. Vũ Ngọc Anh - Chủ tịch Hội đồng chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, thay mặt nhóm nghiên cứu, PGS.TS. Trương Quốc Thành - Chủ nhiệm đề tài trình bày Báo cáo thuyết minh tóm tắt đề tài trước Hội đồng, trong đó nhấn mạnh, máy, thiết bị khai thác và gia công đá tự nhiên được sử dụng phổ biến hiện nay ở Việt Nam và các nước trên thế giới, nhằm phục vụ thi công các công trình xây dựng, giao thông, thủy lợi. Đặc điểm của các loại máy này là thường có kích thước lớn, có nhiều chuyển động phức tạp và dễ gây mất an toàn lao động.

Trong khi đó, hệ thống TCVN ở Việt Nam hiện nay mới chỉ có tiêu chuẩn quy định về an toàn trong thiết kế, chế tạo và vận hành máy nói chung. Do đó, việc xây dựng các TCVN về an toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá



Toàn cảnh buổi nghiệm thu

là rất cần thiết, nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng, cải thiện môi trường làm việc, nâng cao hiệu quả sử dụng máy móc, thiết bị về an toàn cho máy và thiết bị khai thác, gia công đá, đảm bảo hội nhập về khoa học kỹ thuật với quốc tế và khu vực.

PGS.TS. Trương Quốc Thành cho biết, để thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã tiến hành thu thập tài liệu gốc quốc tế và các tài liệu trong nước, làm cơ sở nghiên cứu và chuyển dịch tương đương các tiêu chuẩn DIN, đồng thời tổ chức các hội thảo nhằm tổng hợp ý kiến đóng góp của các chuyên gia cho dự thảo các tiêu chuẩn.

Nội dung dự thảo các TCVN về an toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá gồm: Lời nói đầu; lời giới thiệu; phạm vi áp dụng; tài liệu viện dẫn; thuật ngữ và định nghĩa; danh mục các mối nguy hiểm đáng kể; yêu cầu an toàn và các biện pháp bảo vệ; kiểm tra, xác nhận các yêu cầu an toàn và các biện pháp bảo vệ; thông tin sử dụng; tài liệu tham khảo. Tùy thuộc tính chất của các loại máy, một số tiêu chuẩn được bổ sung thêm phần phụ lục để người đọc dễ hiểu và dễ áp dụng hơn.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh đề tài và dự thảo các TCVN nêu trên, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng

KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đóng góp các ý kiến để nhóm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh sửa.

Theo Hội đồng, nhóm nghiên cứu thuộc trường Đại học Xây dựng Hà Nội đã thực hiện đầy đủ những nội dung theo Hợp đồng được giao, Bản thuyết minh đề tài ngắn gọn, súc tích, đảm bảo logic và mang tính khoa học cao. Dự thảo các TCVN về an toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá được dịch sát bản gốc, đảm bảo chất lượng, song cần sử dụng thống nhất một số thuật ngữ chuyên ngành; biên tập một số lỗi văn bản.

Kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng PGS.TS. Vũ Ngọc Anh đánh giá cao kinh nghiệm, tinh thần nghiêm túc của nhóm nghiên cứu trường Đại học Xây dựng Hà Nội trong việc

thực hiện đề tài. Các sản phẩm của đề tài đều đảm bảo chất lượng, hài hòa giữa thực tiễn và khoa học, có sự Việt hóa cao trong quá trình biên dịch, tạo sự thuận lợi cho người sử dụng.

PGS.TS. Vũ Ngọc Anh thống nhất với các ý kiến góp ý của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, đề nghị nhóm nghiên cứu tiếp thu để hoàn thiện dự thảo các TCVN, sớm trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, gửi Bộ Khoa học và công nghệ thẩm định, công bố.

Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu 5 dự thảo TCVN về an toàn cho máy, thiết bị khai thác và gia công đá, với kết quả đều đạt loại Xuất sắc.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu các Dự án sự nghiệp kinh tế do Vụ Pháp chế thực hiện

Ngày 13/6/2019, Bộ Xây dựng đã tổ chức họp Hội đồng nghiệm thu 02 Dự án sự nghiệp kinh tế do Vụ Pháp chế thực hiện, bao gồm: Dự án “Điều tra, khảo sát tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng”; Dự án “Điều tra, khảo sát thực trạng thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng. Đề xuất xây dựng sổ tay hướng dẫn về quy trình triển khai dự án đầu tư xây dựng”. Chủ tịch Hội đồng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ Xây dựng) Đặng Văn Long chủ trì cuộc họp.

Phát biểu tại cuộc họp, thay mặt nhóm nghiên cứu, Vụ trưởng Vụ Pháp chế (Bộ Xây dựng) Tống Thị Hạnh cho biết, Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư đã có sự điều chỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, đồng thời, qua triển khai thực hiện trên thực tế và phản ánh của một



Toàn cảnh Hội đồng nghiệm thu

số tổ chức, cá nhân liên quan thì một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực của Bộ Xây dựng còn thiếu cụ thể, chưa rõ ràng dẫn đến cách hiểu và vận dụng khác nhau, một số quy định còn phức tạp cần phải được đơn giản hóa tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy việc điều tra, khảo sát tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định về điều kiện đầu

tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng là hết sức cần thiết.

Dự án “Điều tra, khảo sát tình hình thực hiện và đề xuất giải pháp hoàn thiện các quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước ngành Xây dựng” đã thực hiện công tác điều tra, khảo sát thu thập thông tin, số liệu về tình hình triển khai thực hiện các quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong phạm vi cả nước thông qua một số hình thức: xây dựng mẫu phiếu điều tra, khảo sát; khảo sát thực tế tại một số địa phương; tổ chức cuộc họp, hội nghị... với các đối tượng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân tại các đơn vị như: Các sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước; một số Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng; các cá nhân là kỹ sư xây dựng, kiến trúc sư, giám đốc ban quản lý dự án, kiểm định viên, giám định viên tư pháp về xây dựng,... tại một số tổng công ty, công ty xây dựng và tư vấn xây dựng, ban quản lý dự án... và một số cán bộ, công chức làm việc tại các cục, vụ, viện trực thuộc Bộ Xây dựng.

Bà Tổng Thị Hạnh cho biết, trong các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quy trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng thì không có văn bản nào quy định rõ, đầy đủ thủ tục nào được thực hiện trước, thủ tục nào được thực hiện sau. Việc này gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Do đó, nghiên cứu, rà soát và đề xuất sửa đổi để xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án đầu tư xây dựng đồng thời qua xây dựng sổ tay hướng dẫn quy trình phù hợp, đúng pháp luật để tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuận tiện trong việc tiếp cận và thực hiện pháp luật là cần thiết và hữu ích.

Dự án “Điều tra, khảo sát thực trạng thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng. Đề xuất

xây dựng sổ tay hướng dẫn về quy trình triển khai dự án đầu tư xây dựng” được nhóm tác giả thực hiện bằng phương pháp thu thập và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục liên quan đến quy trình triển khai dự án đầu tư xây dựng. Đồng thời, khảo sát, đánh giá thực trạng việc triển khai các thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng; tiến hành phân tích, đánh giá và chỉ ra những quy định còn chồng chéo, chưa rõ ràng, đề xuất sửa đổi đối với những quy định này nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng các nội dung hướng dẫn về quy trình, thủ tục thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Theo các báo cáo phản biện của ông Ngô Lâm - Phó Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng và ông Bùi Văn Dương - Phó Cục trưởng Cục quản lý hoạt động xây dựng cùng ý kiến các ủy viên hội đồng đều thống nhất thông qua hai nhiệm vụ do Vụ Pháp chế thực hiện, đánh giá Dự án được thực hiện công phu, nghiêm túc, mang tính thực tiễn cao. Đây là hai nhiệm vụ rất khó, rộng và phức tạp, nhóm nghiên cứu đã thực hiện nghiêm túc, rà soát kỹ các quy định, có đánh giá và đề xuất định hướng sửa đổi đối với nhiều quy định quan trọng trong các luật. Về cơ bản, Dự án đã đáp ứng nhiệm vụ đặt ra về nội dung và khối lượng công việc thực hiện.

Bên cạnh đó, hội đồng cũng đóng góp ý kiến đề nghị nhóm nghiên cứu bổ sung làm rõ thêm một số nội dung như: Cần xem xét đề xuất sửa đổi các quy định pháp luật để làm gọn quy trình thủ tục đầu tư xây dựng bởi thực tế cách thức tổ chức thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện nay còn phức tạp và mất rất nhiều thời gian; đề xuất, sửa đổi, bổ sung Luật Xây dựng theo hướng giao Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về quản lý an toàn vệ sinh lao động trong thi công xây dựng; đề xuất nâng mức độ xử lý vi phạm về an toàn, vệ sinh lao động đối với các chủ thể tham gia hoạt động xây dựng vì mức xử lý vi phạm hành chính trong

vấn đề này hiện tại còn thấp, chưa đủ sức rắn đẽ; cần nêu rõ Sổ tay hướng dẫn dành cho những chủ thể, đối tượng nào, sử dụng nguồn vốn lấy từ đâu, có áp dụng với mọi dự án hay không?... Ngoài ra, một số góp ý của hội đồng với nhóm nghiên cứu về mặt hình thức văn bản, bố cục, sắp xếp, trình bày báo cáo tổng hợp nhằm tăng tính khoa học và thuận tiện cho

người đọc.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Đặng Văn Long đề nghị Vụ Pháp chế tiếp thu ý kiến đóng góp của các thành viên Hội đồng, bổ sung, hoàn thiện các báo cáo dự án.

Ninh Hoàng Hạnh

Hội thảo tham vấn Đề xuất hệ thống dán nhãn năng lượng, đo lường và kiểm định hiệu quả năng lượng công trình tại Việt Nam

Ngày 14/6/2019, Bộ Xây dựng, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF) đã phối hợp tổ chức Hội thảo tham vấn về các báo cáo "Đề xuất hệ thống dán nhãn năng lượng, đo lường và kiểm định hiệu quả năng lượng công trình tại Việt Nam" - sản phẩm của Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam do Bộ Xây dựng thực hiện với sự tài trợ của Quỹ Môi trường toàn cầu thông qua Chương trình phát triển Liên Hợp quốc, gọi tắt là Dự án EECB.

Tham dự Hội thảo có đại diện Bộ Xây dựng, các đơn vị tư vấn, đại diện các Hội, Hiệp hội chuyên ngành và đồng đảo chuyên gia trong nước và quốc tế. Phó Vụ trưởng Vụ KHCN Bộ Xây dựng Nguyễn Công Thịnh chủ trì buổi Hội thảo.

Theo Báo cáo của Ban Quản lý dự án EECB, mục tiêu dài hạn của Dự án nhằm cắt giảm cường độ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực xây dựng ở Việt Nam, và mục tiêu cụ thể là cải thiện việc sử dụng năng lượng của các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng. Dự án gồm 03 hợp phần: Soát xét, bổ sung, hoàn thiện và nâng cao năng lực thực thi Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia; Xây dựng các sáng kiến hỗ trợ phát triển thị trường; Trình diễn và nhân rộng giải pháp công nghệ tiết kiệm năng lượng trong



Phó Vụ trưởng Vụ KHCN Nguyễn Công Thịnh phát biểu khai mạc Hội thảo

ngành xây dựng; và trình diễn 16 công trình tiết kiệm năng lượng. Trong hợp phần 1, Dự án đã hoàn thành cơ sở dữ liệu về vật liệu và thiết bị tiết kiệm năng lượng; xây dựng 05 tiêu chuẩn đặc tính hiệu quả năng lượng của vật liệu xây dựng; Xây dựng phương pháp, tiêu chí đánh giá, chứng nhận, đo lường và kiểm định công trình TKNL, phương pháp dán nhãn năng lượng; Hoàn thành xây dựng phương pháp tính mức tiêu hao năng lượng đặc trưng và khảo sát 165 công trình phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về mức tiêu hao năng lượng.

Phát biểu tại Hội thảo, ông Nguyễn Công Thịnh cho biết, qua việc tổng kết thực hiện Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho thấy việc dán nhãn năng lượng đã được triển khai rất hiệu quả, bắt đầu từ việc dán nhãn



Chuyên gia của Dự án Nicolas Jallade trình bày các Báo cáo tại Hội thảo

năng lượng cho thiết bị gia dụng, nay đã bắt đầu phát triển mở rộng áp dụng cho các phương tiện giao thông. Tại buổi Hội thảo này, đơn vị chủ trì Dự án mong muốn tham vấn ý kiến các chuyên gia cho các Báo cáo đề xuất về dán nhãn hiệu quả năng lượng, triển khai đo lường và kiểm định năng lượng trong các công trình xây dựng ở Việt Nam (khách sạn, văn phòng, trung tâm thương mại) thuộc đối tượng áp dụng Quy chuẩn 09:2017/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả".

Theo ý kiến của các chuyên gia tại Hội thảo, hiện nay, trong các quy định của pháp luật chưa đề cập đến việc dán nhãn hiệu quả năng lượng đối với các công trình xây dựng, do đó, thông qua các nghiên cứu, khảo sát thực tiễn của Dự án EECB, cần đề xuất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sửa đổi, hoàn thiện các cơ sở pháp lý cho việc dán nhãn hoặc chứng nhận hiệu quả năng lượng cho các công trình xây dựng, đồng thời phải xây dựng được định mức sử dụng năng lượng cho các công trình thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy chuẩn 09:2017/BXD; Việc nghiên cứu, ban hành các công cụ hỗ trợ cho việc kiểm toán năng lượng trong công trình xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (các tiêu chuẩn) là cần thiết, đồng thời cũng cần kiến nghị chính sách, và lộ trình thực hiện, trước hết là áp dụng đo lường và kiểm định năng lượng đối với các công trình xây dựng bằng nguồn vốn



Toàn cảnh Hội thảo ngân sách nhà nước.

Đánh giá về các Báo cáo của Dự án, các chuyên gia phản biện đều cho rằng các Báo cáo đã được thực hiện nghiêm túc, công phu, có cơ sở khoa học và thực tiễn, với khối lượng công việc lớn, tham khảo nhiều kinh nghiệm của các nước trên thế giới. Bên cạnh đó, các chuyên gia phản biện cũng đóng góp các ý kiến rất cụ thể, trong đó đề nghị nhóm nghiên cứu cập nhật các tiêu chuẩn mới nhất trong nước và quốc tế trong lĩnh vực liên quan.

Theo GS.TS. Trần Ngọc Chấn - Hội Môi trường Xây dựng Việt Nam, hiện nay Việt Nam đã xây dựng được phần mềm mô phỏng năng lượng, do đó, Bộ Xây dựng có thể sử dụng số liệu khảo sát mức tiêu hao năng lượng của các công trình xây dựng - kết quả của dự án Thúc đẩy hiệu quả năng lượng trong ngành Xây dựng (VCEP) và dùng phần mềm này để kiểm tra lại, đồng thời công bố định mức tiêu hao năng lượng dưới hình thức tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật làm cơ sở cho việc chứng nhận hiệu quả năng lượng cho các công trình xây dựng.

Theo TS. Nguyễn Trung Hòa - Cố vấn của Dự án, việc chứng nhận hiệu quả năng lượng và đo lường, kiểm định năng lượng (M&V) cho các tòa nhà là các giải pháp quản lý hiệu quả năng lượng phổ biến trên thế giới và đã được tiêu chuẩn hóa - rất cần thiết đối với Việt Nam. Thông qua ý kiến của các chuyên gia tại Hội thảo cho thấy, cần đề xuất việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách, hành lang pháp lý, xây

dựng lộ trình phù hợp (khuyến khích, bắt buộc), thống nhất áp dụng cho tất cả các tòa nhà thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 09:2017/BXD và nghiên cứu thêm về việc áp dụng cho chung cư và công trình hỗn hợp thương mại - nhà ở, các công trình xây dựng mới, dựa trên tiêu chuẩn ISO để xây dựng quy trình M&V cho Việt Nam.

Phát biểu kết luận Hội thảo, ông Nguyễn

Công Thịnh đã tổng kết và ghi nhận đầy đủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia, đồng thời đề nghị đơn vị tư vấn của Dự án tiếp thu để hoàn thiện các báo cáo, trong đó nhấn mạnh việc làm rõ cơ sở khoa học của các đề xuất ban hành chính sách, định mức sử dụng năng lượng.

Minh Tuấn

Các mô hình thiết bị TKNL hoạt động ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, thực hành TKNL cho các tòa nhà

“Các mô hình thiết bị tiết kiệm năng lượng (TKNL) đã giúp cho các học viên tiếp cận thực tế, bổ trợ cho chương trình học lý thuyết trên lớp, giúp nâng cao chất lượng công tác đào tạo cán bộ quản lý năng lượng - Anh Lê Văn Hải - Cán bộ phụ trách lớp học Chương trình đào tạo cán bộ quản lý năng lượng, Sở Công thương Hà Nội cho biết buổi đưa 46 học viên đi tham quan các mô hình thiết bị TKNL do Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà thương mại và chung cư cao tầng tại Việt Nam (Dự án EECB) tài trợ tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội (Trung tâm), vào giữa tháng 6/2019 vừa qua.

Chương trình đào tạo cán bộ quản lý năng lượng là Chương trình học bắt buộc dành cho đối tượng là kỹ sư trưởng, cán bộ quản lý năng lượng của các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm. Là một trong những học viên lớp học tham gia buổi tham quan các mô hình thiết bị TKNL, Anh Lương Văn Luân, cán bộ quản lý năng lượng Công ty TNHH Sam Pung Inox, tỉnh Hưng Yên cho biết, trước đây khi nghe đến TKNL, em thường nghĩ đến hệ thống chiếu sáng, hệ thống hơi. Nhưng khi tham gia lớp học và đi tham quan thực tế các mô hình TKNL, em nhận thấy rằng, TKNL được thực hiện ở rất nhiều khâu, với nhiều hệ thống, ngoài hệ thống chiếu sáng, hệ thống hơi, còn có: Hệ thống bơm và quạt; hệ thống khí nén; hệ thống điều hòa không khí cục bộ; hệ



Anh Đỗ Văn Sáng (trái) - Phó Trưởng phòng TKNL, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội giới thiệu các mô hình thiết bị TKNL cho học viên

thống lạnh công nghiệp. Mỗi hệ thống đều có cơ chế TKNL riêng.

Nói về các mô hình TKNL được tham quan tại Trung tâm, anh Luân cho biết rất ấn tượng với các mô hình, song hệ thống nước nóng thu hút sự quan tâm hơn cả. Vì mô hình này được sử dụng rất phổ biến và hiện công ty anh cũng đang sử dụng. “Thông qua bài giới thiệu của cán bộ Trung tâm tại buổi tham quan, chúng em nhận thấy lợi ích quan trọng về TKNL của việc áp dụng mô hình hệ thống nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời với công suất phù hợp nhu cầu, quy mô cơ sở sử dụng” - Luân chia sẻ.

Cùng đánh giá cao khả năng TKNL của mô hình hệ thống nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời do Dự án EECB tài trợ, anh Đỗ Văn



Các học viên quan sát và nghe cán bộ Trung tâm giới thiệu hoạt động của hệ thống nước nóng do Dự án EECB tài trợ

Sáng - Phó Trưởng phòng TKNL, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội cho biết, mô hình này sẽ giúp chủ các công trình đánh giá, so sánh ưu - nhược điểm, hiệu suất năng lượng giữa các phương pháp tạo nước nóng hiện nay, gồm: Hệ nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời; Hệ nước nóng sử dụng bình nóng lạnh điện trở; Hệ nước nóng sử dụng bơm nhiệt (Heatpump).

Bên cạnh mô hình hệ thống nước nóng sử dụng năng lượng mặt trời, Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội còn nhận được các mô hình TKNL do Dự án EECB tài trợ, gồm: Mô hình hệ thống pin năng lượng mặt trời; Mô hình hệ thống bơm nước và hệ thống thông gió.

Theo anh Đỗ Văn Sáng, mô hình hệ thống bơm nước và hệ thống thông gió sẽ giúp Trung tâm đào tạo, thực hành các chế độ vận hành

khác nhau của hệ thống bơm nước/thông gió để đánh giá hiệu suất sử dụng năng lượng. Trong khi đó, mô hình hệ thống pin năng lượng mặt trời sẽ giúp đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách của Nhà nước về thúc đẩy ứng dụng năng lượng tái tạo, đồng thời cung cấp cho các chủ công trình phương pháp tính toán, lựa chọn công suất lắp đặt phù hợp và hiệu quả kinh tế mang lại của hệ thống pin năng lượng mặt trời.

Đánh giá hoạt động của các mô hình TKNL này, anh Đỗ Văn Sáng cho biết, đến nay, các mô hình đều đã được hoàn thiện lắp đặt và hoạt động ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu về đào tạo, thực hành tiết kiệm năng lượng cho các tòa nhà, góp phần thúc đẩy TKNL ở Hà Nội nói riêng, cả nước nói chung.

Có thể nói, chuyến tham quan các mô hình thiết bị TKNL (do Dự án EECB tài trợ) tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp Hà Nội, đã giúp các học viên lớp học Chương trình đào tạo cán bộ quản lý năng lượng của Sở Công thương Hà Nội quan sát trực tiếp cơ chế hoạt động cũng như nắm bắt rõ những ưu điểm về TKNL mà các mô hình này mang lại, góp phần bổ trợ những kiến thức lý thuyết đã được trang bị trong suốt khóa học để sau này áp dụng vào thực tiễn công việc quản lý năng lượng tại các cơ quan, đơn vị mình công tác.

Trần Đình Hà

Phương pháp phân tích thông số năng lượng để tính giá trị truyền nhiệt tổng cho Việt Nam

Mở đầu

Khái niệm giá trị truyền nhiệt tổng (OTTV) được Hiệp hội Kỹ sư Nhiệt - Lạnh - Điều hòa không khí Hoa Kỳ (ASHRAE) phát triển và đề xuất sử dụng như một chỉ tiêu đánh giá chung cho lớp vỏ bao che xét trên khía cạnh tiết kiệm năng lượng. Giá trị truyền nhiệt tổng đã được

đưa vào tiêu chuẩn ASHRAE 90.A1980 và được sử dụng rộng rãi không những ở Hoa Kỳ mà còn ở nhiều nước trên thế giới và đặc biệt là ở các nước Đông Nam Á.

Tại Việt Nam, OTTV lần đầu tiên được quy định áp dụng để đánh giá hiệu quả sử dụng năng lượng trong các tòa nhà vào năm 2005

trong Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam QCVN 09:2005 "Các công trình xây dựng sử dụng năng lượng có hiệu quả". Quy chuẩn này cũng trình bày công thức tính toán OTTV. Tuy nhiên, do một số nguyên nhân, việc sử dụng giá trị truyền nhiệt tổng trong thực tế còn gặp nhiều trở ngại. Năm 2014, bản soát xét QCVN 09:2013/BXD "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả", mặc dù vẫn đề cập đến giá trị truyền nhiệt tổng nhưng đã không trình bày phương pháp tính toán.

Để góp phần phát triển một công cụ hữu hiệu trong đánh giá lớp vỏ công trình từ góc độ sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, việc xây dựng phương pháp tính toán OTTV cho các công trình xây dựng ở Việt Nam là cần thiết và có tính thời sự cao. Bài báo trình bày hiện trạng tại Việt Nam, các kinh nghiệm trên thế giới và đề xuất phương pháp phân tích thông số năng lượng để xác định OTTV qua lớp vỏ công trình xây dựng ở nước ta dựa trên kinh nghiệm thế giới và phù hợp với điều kiện đặc thù ở Việt Nam.

Kinh nghiệm thế giới

Về cơ bản, giá trị OTTV cho biết mức độ truyền nhiệt trung bình từ môi trường bên ngoài qua lớp vỏ vào trong công trình. Giá trị OTTV càng cao cho thấy mức độ tăng nhiệt bên trong công trình càng cao. Đối với các tòa nhà được điều hòa không khí cơ học, theo tiêu chí làm mát, giá trị OTTV tổng được quy định phải nhỏ hơn một giá trị lớn nhất cho phép. Việc quy định giá trị OTTV lớn nhất bắt buộc phải áp dụng các biện pháp cải thiện khả năng cách nhiệt của lớp vỏ bao che nhằm giảm tải làm mát của hệ thống điều hòa.

Tuy nhiên cũng cần chú ý rằng, giá trị OTTV chỉ cho thấy tính năng của lớp vỏ dùng để so sánh mà không cho biết tổng năng lượng cần thiết để điều hòa hoặc thiết kế vỏ công trình gắn với tối ưu hay chưa. Giá trị truyền nhiệt tổng, theo ASHRAE 80.A -1980, bao gồm tổng giá trị truyền nhiệt qua các bức tường và truyền nhiệt

qua mái. Theo đó, giá trị truyền nhiệt qua tường được tính toán bằng tổng của giá trị truyền nhiệt qua tường đặc (phần không trong suốt), giá trị truyền nhiệt qua cửa kính (phần trong suốt) và giá trị truyền nhiệt do bức xạ mặt trời.

Việc xác định giá trị thích hợp các hệ số cho từng thành phần trong công thức tính OTTV phù hợp với điều kiện địa phương và yêu cầu cách nhiệt, tiết kiệm năng lượng là khá khó khăn. Vấn đề này đang được xem xét theo hai hướng. Thứ nhất, có thể tiến hành đo đạc thực nghiệm tiêu thụ năng lượng cho từng công trình với các đặc trưng lớp vỏ bao che khác nhau để tìm mối liên hệ thực tế giữa tiêu thụ năng lượng và các đặc trưng lớp vỏ. Nghiên cứu theo hướng này đòi hỏi kinh phí lớn và thời gian thực hiện lâu dài, các kết quả có tính xác thực cao nhưng tính đại diện lại bị hạn chế. Cách tiếp cận này thường được sử dụng để kiểm chứng các hệ số, công thức tính toán có được từ phân tích lý thuyết và phân tích mô hình mô phỏng.

Một hướng tiếp cận khác là sử dụng các phần mềm mô phỏng để nghiên cứu sự liên quan giữa năng lượng tiêu thụ và biến động về truyền nhiệt tổng của công trình, để từ đó xác định các hệ số cho phương trình phù hợp với từng điều kiện cụ thể của các quốc gia có tính đến đặc thù của từng loại công trình. Kết quả mô phỏng sẽ được đánh giá, kiểm chứng thông qua đo đạc thực tế. Đây là cách tiếp cận có tính thực tế cao và được nhiều nước áp dụng nhất là các nước Đông Nam Á.

Đề xuất áp dụng phương pháp phân tích thông số năng lượng

Đúc rút kinh nghiệm thiết lập phương pháp tính và ứng dụng OTTV của các nước như đã nêu trên cho thấy hướng nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thông số năng lượng trên mô hình mô phỏng để xây dựng công thức tính OTTV cho các công trình là có triển vọng áp dụng tốt ở Việt Nam phục vụ mục tiêu sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Để thực hiện việc này cần triển khai chương trình nghiên cứu

có định hướng rõ ràng và với các bước triển khai cụ thể. Trước tiên, do điều kiện vận hành khác nhau nên các công trình xây dựng cần được phân loại trên góc độ đặc điểm sử dụng năng lượng. Có thể thấy rằng vào mùa hè, các công trình văn phòng vận hành chủ yếu trong giờ hành chính vào ban ngày trong điều kiện chênh lệch nhiệt độ giữa bên ngoài và bên trong lớn hơn so với các công trình nhà ở vận hành chủ yếu ngoài giờ hành chính vào ban đêm.

Trong khi đó, các công trình công cộng như siêu thị, bệnh viện lại làm việc trong giờ hành chính và kéo dài sang cả ngoài giờ hành chính. Khi đó, với cùng đặc điểm lớp vỏ công trình hay là cùng đặc điểm về truyền nhiệt nhưng năng lượng cần thiết cho điều hòa không khí ở mỗi công trình sẽ khác nhau. Vậy nên cần phải xét OTTV với từng nhóm công trình. Ngoài ra, hệ thống điều hòa không khí trong các công trình văn phòng, nhà công cộng, bệnh viện thường là tập trung và được điều khiển bởi bộ phận chuyên trách còn trong nhà ở lại là riêng lẻ và điều khiển phân tán. Do đó, ở Việt Nam từ góc độ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nên phân nhóm công trình để xây dựng hệ số tính toán OTTV bao gồm 3 nhóm: Văn phòng, nhà ở và bệnh viện, công trình công cộng.

Với từng nhóm công trình cần xây dựng mô hình công trình điển hình của nhóm để tiến hành mô phỏng. Đây là công việc rất quan trọng, đòi hỏi phân tích, tổng hợp các kết quả khảo sát thực tế với số lượng đủ lớn. Công trình điển hình cần có tính đại diện cao cho nhóm công trình đang xét.

Thực tế cho thấy, công trình điển hình ở mỗi nước có sự khác biệt đáng kể phụ thuộc vào đặc điểm địa phương. Với Singapore, công trình văn phòng điển hình dùng trong mô phỏng có 10 tầng, mặt bằng hình vuông diện tích 625m^2 , không có kết cấu che nắng bên ngoài và công suất chiếu sáng là 20 W/m^2 . Trong khi đó, công trình văn phòng cỡ lớn điển hình ở Philippine có 10 tầng với mặt bằng hình chữ nhật diện tích

1565m^2 , che nắng bên ngoài 1m và công suất chiếu sáng là $17,2\text{ W/m}^2$.

Các nghiên cứu về vấn đề này chưa được thực hiện đồng bộ ở nước ta, do đó, xây dựng mô hình công trình vẫn là vấn đề bỏ ngỏ. Đây là việc làm cần thiết ở Việt Nam trong thời gian tới. Truyền nhiệt qua lớp vỏ công trình là một quá trình nhiệt động học phức tạp theo thời gian, phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau. Tiến trình nhiệt bên ngoài, hướng và cường độ bức xạ mặt trời thay đổi sẽ khiến giá trị truyền nhiệt qua lớp vỏ thay đổi và từ đó yêu cầu năng lượng cho việc điều hòa không khí cũng thay đổi theo. Cho đến nay, phương pháp tính toán truyền nhiệt và năng lượng tiêu thụ đã được nghiên cứu và phát triển và đã được chuẩn hóa. Để hỗ trợ cho việc tính toán, nhiều phần mềm đã được phát triển phục vụ cho việc tính toán tự động như EnergyPlus, DOE-2, eQuest, BLAST, NBSLD... Trong số đó, DOE-2 và eQuest được sử dụng khá phổ biến. Các nghiên cứu đã cho thấy kết quả mô phỏng bằng các phần mềm này phù hợp với tính toán thủ công theo phương pháp của ASHRAE cũng như đo đạc kiểm chứng thực tế. Sử dụng phần mềm này cho phép đánh giá truyền nhiệt và năng lượng tiêu thụ theo từng giờ cụ thể và trung bình theo ngày, tháng hay năm. Đây là công cụ hữu hiệu để đánh giá ảnh hưởng của sự thay đổi các thông số thiết kế như vật liệu tường, hướng tòa nhà, cửa các kết cấu chắn nắng... đến tiêu thụ năng lượng của tòa nhà. Các nghiên cứu xây dựng công thức tính OTTV ở các nước Đông Nam Á cũng được thực hiện với sự hỗ trợ của phần mềm DOE-2.

Để vận hành DOE-2 cần xây dựng được cơ sở dữ liệu về thời tiết của khu vực nghiên cứu bao gồm các thông số về nhiệt độ theo giờ (8760 giờ trong một năm), gió, độ ẩm và bức xạ mặt trời. Chi tiết hóa dữ liệu thời tiết sẽ cho phép phân tích tỉ mỉ tiến trình nhiệt của công trình theo từng giờ trong cả năm. Mô phỏng bằng phần mềm tính toán là một công cụ mạnh

để phân tích, đánh giá OTTV trong mối tương quan với các thông số khác. Tuy nhiên, việc phân tích cần phải được thực hiện theo một quy trình nghiêm ngặt và với các giới hạn nhất định.

Tổng kết kinh nghiệm mô phỏng cho thấy, để phân tích trước tiên cần xác định rõ mục tiêu tiến hành, lựa chọn các biến số và khoảng biến thiên. Ở đây có thể đặt mục tiêu là phân tích một thành phần đã có trong OTTV hoặc đánh giá khả năng bổ sung thêm thành phần mới vào công thức tính OTTV. Nếu đặt mục tiêu đánh giá thành phần mới thì cần định dạng công thức tính mới. Tiếp theo cần xác định phương pháp phân tích công trình (theo khu vực được điều hòa, theo vùng bên ngoài, theo hướng...). Chạy mô phỏng có thể được tiến hành khi thay đổi một thông số hoặc một nhóm thông số tới đâu ra (như cầu tiêu thụ năng lượng hàng năm, nhu cầu đỉnh, yếu tố kinh tế).

Việc chạy mô phỏng phải được thực hiện với số lượng đủ để có thể xây dựng mô hình hồi quy. Dựa trên mô hình hồi quy sẽ tiến hành lựa chọn dạng và các hệ số của công thức tính. Và cuối cùng, để khẳng định sự phù hợp của công thức tính đã xây dựng nhờ phân tích thông số năng lượng nhờ mô hình mô phỏng, cần tiến hành các thí nghiệm, đo đạc thực tế tại công trình để kiểm chứng kết quả tính toán so với các

giá trị thực tế. Việc áp dụng công thức tính thu được bằng mô phỏng cũng cần được thường xuyên đối chiếu, đánh giá. Qua đó, có thể đề xuất điều chỉnh các hệ số hoặc thêm, bớt các thành phần trong công thức. Khi đó, lại tiếp tục một chu kỳ nghiên cứu phân tích thông số năng lượng bằng mô hình mô phỏng mới nhằm dần hoàn thiện phương pháp tính.

Kết luận

Giá trị truyền nhiệt tổng qua lớp vỏ được sử dụng rộng rãi tại nhiều nước để đánh giá công trình từ góc độ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tuy nhiên, việc ứng dụng ở Việt Nam còn gặp nhiều trở ngại do chưa thiết lập được phương pháp tính toán thống nhất. Phân tích kinh nghiệm của các nước trong việc thiết lập công thức tính giá trị truyền nhiệt tổng dựa trên phân tích thông số năng lượng bằng mô hình mô phỏng cho phép đề xuất hướng xây dựng công thức tính giá trị truyền nhiệt tổng cho các nhóm công trình ở Việt Nam. Đây là một nhiệm vụ có tính bức thiết cao, cần được thực hiện thông qua các chương trình, đề tài với sự tham gia rộng rãi của đội ngũ chuyên gia và sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng.

Trần Đình Hà

(theo TS. Hoàng Minh Đức - Viện IBST)

Các muối clo trong phụ gia và bê tông

Không thể hình dung công nghệ bê tông hiện đại thiếu phụ gia tăng tốc kết cứng và phụ gia kháng đóng băng. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải hiểu tác động lâu dài của việc sử dụng các phụ gia hóa chất, đặc biệt là các quá trình ăn mòn có thể khiến tuổi thọ của kết cấu bê tông cốt thép bị rút ngắn. Các muối clo (clorua) của canxi và natri nguy hiểm nhất do gây sự ăn mòn cốt thép nhiều nhất. Trong những năm gần đây, do giá rẻ, dễ kiếm, các muối clo đã được sử dụng đại trà tại Nga, Ucraina và Belarus. Sử dụng muối clo trong bê

tông một cách vô trách nhiệm sẽ dẫn đến những hậu quả khó lường, và thường chỉ lộ diện sau một thời gian vận hành các kết cấu bê tông cốt thép.

Clo là nguyên nhân gây ăn mòn cốt thép

Kinh nghiệm sử dụng các phụ gia tăng tốc kết cứng đã có từ hơn một thế kỷ trước. Nhiều chất vô cơ và hữu cơ hòa tan, và các liên kết rần không hòa tan được sử dụng làm chất tăng tốc. Những liên kết hòa tan trong nước rất phổ biến – các clorua vô cơ, nitrit và nitrat, cacbonat, thiocyanate, thiosulfat, silicat của kim loại

kiềm và kiềm thổ, các muối hữu cơ – canxi của axit formic, axit axetic, và kiềm. Các phụ gia tăng tốc phát huy tác dụng nhờ quá trình thủy hóa xi măng được đẩy mạnh.

Theo hiệu quả của hiệu ứng tăng tốc đối với việc thủy hóa C_3S , tương ứng, các cation và anion của muối vô cơ hòa tan được sắp xếp theo thứ tự như sau:

$Ca^{2+} > Sr^{2+} > Ba^{2+} > Li^{+} > K^{+} > Na^{+}$ gần bằng $Cs^{+} > Rb^{+}$

Br^{-} gần bằng $Cl^{-} > SCN^{-} > I^{-} > NO_3^{-} > ClO_4^{-}$

Từ đó có thể thấy phụ gia tăng tốc hiệu quả nhất là canxi clorua. Phụ gia này đã trở thành tiêu chuẩn cho loại phụ gia tăng tốc hiệu quả lại rẻ tiền, với tác động thấy rõ đối với đa số các loại xi măng.

Chúng nhận đầu tiên về ứng dụng canxi clorua $CaCl_2$ làm phụ gia cho bê tông xuất hiện từ năm 1886. Tuy nhiên, sau đó, dựa vào việc quan sát các kết cấu trên thực tế, các nhà khoa học đã phát hiện ra: đưa canxi clorua vào bê tông cốt thép gây hiệu ứng ăn mòn cốt thép. Ngay từ những năm 50 của thế kỷ XX, khái niệm “hàm lượng clorua ngưỡng” đã được áp dụng - hàm lượng của các ion clo, tại đó cốt thép chuyển từ trạng thái thụ động sang chủ động, tức là hiện tượng ăn mòn xảy ra.

Về mặt lý thuyết, bê tông là vật liệu bền vững, không bị mục nát như gỗ và không bị ăn mòn như kim loại. Nhiều ý kiến cho rằng cốt thép trong bê tông được bọc bằng một lớp bảo vệ đáng tin cậy: Nhờ độ pH cao của chất lỏng lỗ rỗng (được bảo đảm bởi các hydroxit của canxi, natri, kali hòa tan trong đó), cốt thép luôn ở trong trạng thái thụ động. Tuy nhiên trên thực tế, ngày càng có nhiều trường hợp kết cấu bê tông cốt thép bị hư hại do cốt thép bị ăn mòn sau 5 - 10 năm vận hành. Điều này đặc biệt nguy hiểm đối với các kết cấu dự ứng lực.

Nguyên nhân chính của sự ăn mòn cốt thép là màng thụ động bị phá vỡ, do:

- Độ pH của chất lỏng lỗ rỗng giảm xuống;
- Sự có mặt của các ion clo trong bê tông ở

mức cao hơn hàm lượng ngưỡng.

Dự báo các quá trình ăn mòn trong bê tông rất phức tạp, bởi vì cả hàm lượng clorua trong bê tông cũng như hàm lượng ngưỡng của clorua đều là các đại lượng biến thiên đối với từng kết cấu.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ rõ: Chất lượng của lớp bê tông bảo vệ có ý nghĩa rất quan trọng. Chất lượng này được xác định bằng tính thấm thấu của lớp bảo vệ (tùy theo mức tiêu hao xi măng, tỷ lệ liên kết nước, có hoặc không có dưỡng độ ẩm). Thậm chí độ dày tiêu chuẩn của lớp bảo vệ cũng không đảm bảo an toàn cho cốt thép khi có vết nứt hay khuyết tật bề mặt. Hàm lượng quan trọng của clorua trong bê tông (được chỉ rõ trong hầu hết các tài liệu nghiên cứu) là 0,4% khối lượng xi măng, và cũng phụ thuộc vào độ pH của chất lỏng lỗ rỗng của bê tông.

Lý do chính làm giảm độ pH là liên kết hóa học của canxi hydroxit (xảy ra trước hết là do cacbon hóa), việc đưa chất phụ gia puzolan (xi, silica fume, tro bay) vào bê tông, và xử lý bề mặt bê tông bằng cách ngâm trong silicat và silic neforit. Cần lưu ý một điều: Khác với các tiêu chuẩn của Nga, tiêu chuẩn chung châu Âu EN 206 có những ngưỡng nhất định đối với lượng phụ gia puzolan đưa vào bê tông. Hàm lượng vi silica được giới hạn ở mức 11%, và tro bay 33% khối lượng xi măng. Giới hạn này cần thiết để đảm bảo tuổi thọ quy định của các kết cấu bê tông cốt thép.

Các muối clo có thể xâm nhập vào bê tông với các vật liệu trợ bị nhiễm bẩn hoặc các phụ gia hóa chất sẽ phản ứng với C_3A để tạo thành các liên kết không hòa tan trong nước và không ảnh hưởng đến các quá trình ăn mòn về sau. Do đó, ngay cả khi biết hàm lượng clorua trong các thành phần của bê tông cũng không thể dự báo chính xác hàm lượng clorua trong bê tông được chế tạo từ các thành phần này. Ngoài ra, hàm lượng clorua hoạt tính ăn mòn thay đổi liên tục do các phản ứng hóa học trong bê tông, và

do clorua từ bên ngoài có thể xâm nhập vào, chẳng hạn, khi nước biển hoặc muối khử tác động lên bê tông.

Như vậy, không thể đưa ra một dự báo (mang tính lý thuyết) đáng tin cậy về trạng thái ăn mòn cốt thép trong bê tông. Tác dụng bảo vệ của bê tông với các phụ gia được xác định trong phòng thí nghiệm bằng nhiều phương pháp khác nhau: chiết áp, phương pháp loại bỏ các đường cong phân cực. Tuy nhiên, ngay cả kết quả tích cực của các thử nghiệm trong điều

kiện phòng lab cũng không thể áp đặt cho kết cấu hiện thực, vì không thể đánh giá tốc độ ăn mòn lâu dài về sau.

Những quy định giới hạn hàm lượng clorua trong phụ gia và trong bê tông

Do dự báo dài hạn trạng thái ăn mòn của cốt thép là không khả thi, biện pháp duy nhất để tăng tuổi thọ của kết cấu là hạn chế nghiêm ngặt hàm lượng các muối clo trong các thành phần bê tông, thể hiện cụ thể trong tiêu chuẩn quốc gia của các nước trên thế giới (Bảng 1).

Bảng 1. Hàm lượng ion clo cho phép đối với bê tông được quy định trong các tiêu chuẩn

Loại kết cấu	Hàm lượng clorua tối đa cho phép; % khối lượng xi măng	EN 206-1-2013 (EU)	ACI 318-14(Mỹ)
	Stiêu chuẩn CP 28.13330.2017 (LB Nga)		
Kết cấu không có cốt	1,0	1,0	1,0 (bê tông khô); 0,3 (môi trường ẩm không có tác động của clo); 0,15 (môi trường ẩm có tác động của clo)
Cốt thép không căng	0,4	0,2 - 0,4	
Cốt thép dự ứng lực	0,1	0,1 - 0,2	0,06
	Không cho phép đưa clo vào thành phần kết cấu bê tông: - có cốt thép ứng lực; - có cốt thép không ứng lực, đường kính nhỏ hơn hoặc bằng 5 mm; - vận hành trong môi trường ẩm ướt; - xử lý bằng chung áp; - chịu tác động ăn mòn điện	Không được sử dụng clorua canxi và các phụ gia gốc clorua khi chuẩn bị bê tông cho các kết cấu có cốt thông thường hoặc cốt dự ứng lực, và các chi tiết kim loại.	Nghiêm cấm sử dụng clorua canxi trong bê tông dự ứng lực, với các chi tiết bằng nhôm đặt trong ván khuôn thép mạ kẽm
Phương pháp xác định hàm lượng ion clo trong bê tông	Hàm lượng clorua trong bê tông được tính toán có tính đến lượng clo trong thành phần xi măng và cốt liệu, trong nước trộn, các phụ gia hóa và khoáng	1) Tổng lượng clo trong các vật liệu thành phần. Clo trong các vật liệu thành phần được lấy theo số liệu của nhà sản xuất. 2) Hàm lượng clorua thực tế trong bê tông được xác định.	Xác định sơ bộ hàm lượng clorua khi tính tổng lượng clorua trong các vật liệu thành phần. Sau đó, xác định hàm lượng clorua thực tế trong bê tông 28 - 42 ngày tuổi.

Cần lưu ý vấn đề: Một trong những cách để clorua xâm nhập vào bê tông là việc ứng dụng các phụ gia hóa chất. Bên cạnh đó, trong tiêu chuẩn quốc gia của các nước chưa có giới hạn đối với clorua trong các phụ gia (bảng 2). Tuy

nhien, nhà sản xuất vẫn cần có trách nhiệm chỉ rõ lượng clorua trong phụ gia. Đại lượng này sau đó có thể được sử dụng để thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhằm đánh giá sơ bộ hàm lượng clorua trong bê tông.

Bảng 2. Hàm lượng ion clo cho phép đối với phụ gia hóa chất cho bê tông được quy định trong các tiêu chuẩn

GOST 24211-2008 mục 5.3 (Liên bang Nga)	Các tiêu chuẩn hoặc tài liệu kỹ thuật, theo đó các loại phụ gia cụ thể được chế tạo và sử dụng, phải chỉ rõ các giá trị về chỉ tiêu chất lượng đảm bảo hiệu quả công nghệ và/ hoặc kỹ thuật của phụ gia trong hỗn hợp, bê tông và vữa, giới hạn liều lượng phụ gia được khuyến cáo, liều lượng tối đa được phép, cũng như hàm lượng các chất xâm thực đối với bê tông, vữa và/ hoặc cốt thép (clorua, sunfat,..), phương pháp xác định chúng.
EN 934-1-2008 mục 4 bảng1 (EU)	Tổng lượng clo: hoặc nhỏ hơn hoặc bằng 0,1% khối lượng phụ gia, hoặc không lớn hơn giá trị do nhà sản xuất quy định. Clo hòa tan trong nước: hoặc nhỏ hơn hoặc bằng 0,10% khối lượng phụ gia, hoặc không lớn hơn giá trị do nhà sản xuất quy định.
C494 / C494M-13 mục 5.4 (Mỹ)	Theo yêu cầu của khách hàng, khi sử dụng phụ gia trong bê tông dự ứng lực, nhà sản xuất phải chỉ rõ hàm lượng clorua theo tiêu chuẩn quy định cho phụ gia.

Mặc dù không có yêu cầu về hàm lượng clorua trong phụ gia hóa chất cho bê tông, trong các tiêu chuẩn của Nga vẫn có những giới

hạn nhất định về hàm lượng clorua trong các thành phần khác của bê tông. (theo bảng 3)

Bảng 3. Hàm lượng ion clo trong các thành phần bê tông theo quy định tiêu chuẩn

Vật liệu	Tiêu chuẩn	Hàm lượng clo tối đa cho phép, % khối lượng vật liệu
Xi măng	CP 28.13330.2017 (trước đây là GOST 30515-97)	0,1
Cát	GOST 8736-2014, CP 28.13330.2017	0,15
Dăm	GOST 8267-93, CP 28.13330.2017	0,1
Nước	GOST 23732-2011	0,05

Nếu lấy thành phần kiểm soát của bê tông theo GOST 30459-2008 ($C = 350 \text{ kg/m}^3$, $U = 1115 \text{ kg/m}^3$, $P = 750 \text{ kg/m}^3$, $B = 175 \text{ kg/m}^3$), và giả sử tất cả các thành phần trong bê tông (không tính phụ gia hóa chất) chứa lượng clo cho phép tối đa, thì tổng hàm lượng clo trong bê tông

sẽ là xích ma $Cl^- = 0,765\% \text{ MC}$, tức là nhiều hơn ngưỡng cho phép đối với các kết cấu có bất cứ loại cốt thép nào. Việc sử dụng các phụ gia hóa chất có chứa clo khiến tình hình thêm trầm trọng.

Và mặc dù một phần clorua liên kết với các liên kết không hòa tan trong nước và không ảnh

hưởng đến các quá trình ăn mòn trong tương lai (như đã đề cập tới trong bài viết), việc kiểm soát hàm lượng clo trong các thành phần bê tông theo các yêu cầu quy định trong CP 28.13330.2017 vẫn rất cần thiết. Việc kiểm soát là điều kiện bắt buộc nhằm đảm bảo tuổi thọ của kết cấu bê tông cốt thép.

Kết luận

Cơ sở pháp lý của Liên bang Nga, các nước châu Âu và Mỹ quy định nghiêm ngặt việc sử dụng muối clo trong bê tông. Tuy nhiên, tham vọng giảm giá thành của bê tông cốt thép bằng mọi cách đã dẫn đến việc các tiêu chuẩn thường xuyên bị bỏ qua, và các thành phần rẻ tiền nhất trong bê tông thường được sử dụng. Việc sử dụng các vật liệu có chứa clo - dù cố

tình hay không - đều có thể dẫn đến việc các kết cấu bị hủy hoại do hiện tượng ăn mòn cốt thép. Điều này đặc biệt đúng với các kết cấu dự ứng lực được vận hành trong môi trường ẩm, khi hiện tượng ăn mòn cốt thép từ lúc bắt đầu xảy ra cho tới lúc mất khả năng chịu lực chỉ khoảng một vài năm. Sức hấp dẫn của các chất phụ gia gốc clo (tính hiệu quả, chi phí thấp) cũng không thể bù lại những hậu quả nặng nề nhất khi sử dụng chúng.

**N.Kalinovsky - GS.TS khoa học
ĐH Kỹ thuật Quốc gia Belarus**

*Nguồn: Tạp chí Công nghệ bê tông Nga
số 3-4/2019*

ND: Lê Minh

Bộ Xây dựng lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo Báo cáo đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và Dự thảo Chiến lược phát triển đô thị quốc gia 2021-2030.

Ngày 25/6, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý cho Dự thảo "Báo cáo đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, mục tiêu nhiệm vụ của giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch 5 năm 2021 - 2025" và Dự thảo "Chiến lược phát triển đô thị quốc gia 2021 - 2030". Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Đình Toàn chủ trì buổi Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành, các trường đại học, viện nghiên cứu, các chuyên gia trong nước và quốc tế trong lĩnh vực đô thị.

Phát biểu tại Hội thảo, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn đề nghị các đại biểu dự Hội thảo tập trung đóng góp ý kiến cho các Dự thảo Báo cáo, trong đó nhấn mạnh việc đánh giá thực chất quá trình phát triển đô thị của Việt Nam trong giai đoạn vừa qua, phân tích sự phát triển của từng loại đô thị, để từ đó nhận định các ưu, nhược điểm của quá trình phát triển đô thị, các thách thức lớn nhất hiện nay đối với sự phát triển của các đô thị Việt Nam, đặc biệt là đối với các đô thị lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh trong các vấn đề về giao thông, sự quá tải dân số, vấn đề hạ tầng, đất đai, năng lượng, công tác quản lý phát triển đô thị..., bên cạnh đó là những xu hướng mới trong phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị thích ứng biến đổi khí hậu.

Theo Dự thảo Báo cáo đánh giá quá trình đô thị hóa của Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Việt Nam đã thu được nhiều lợi ích từ quá trình đô thị hóa. Đến năm 2018, tỷ lệ đô thị hóa cả nước



Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn chủ trì buổi Hội thảo

đạt 38,4%, với 833 đô thị, tốc độ tăng dân số đô thị bình quân cả giai đoạn là 3%/năm. Khu vực đô thị không chỉ đóng góp phần quan trọng trong tăng trưởng GDP mà còn tạo ra sự chuyển dịch mô hình và cơ cấu kinh tế. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa đã góp phần giải quyết các vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, tạo ra nhiều việc làm, cải thiện cơ sở hạ tầng và các dịch vụ đô thị, diện mạo đô thị và nông thôn có nhiều thay đổi theo hướng hiện đại. Kinh tế đô thị góp khoảng 70% GDP, riêng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh đóng góp 30% GDP.

Bên cạnh những thành tựu cơ bản, Báo cáo cũng đánh giá những tồn tại và thách thức đối với quá trình đô thị hóa của Việt Nam. Đó là hệ thống đô thị Việt Nam phát triển nhanh về số lượng nhưng chất lượng còn thấp; hệ thống hạ tầng chưa đáp ứng được nhu cầu, ách tắc giao thông, ngập lụt, ô nhiễm môi trường còn phổ biến, hạ tầng xã hội còn thiếu và đạt tỷ lệ thấp so với quy chuẩn; chất lượng các đồ án quy hoạch còn thấp, công tác quản lý phát triển



Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị Nguyễn Tường Văn phát biểu tổng kết và tiếp thu ý kiến tại Hội thảo

theo quy hoạch còn nhiều thiếu sót; chưa huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển đô thị, đặc biệt là nguồn lực đất đai; trình độ quản lý đô thị chưa theo kịp tốc độ đô thị hóa...

Theo Dự thảo Chiến lược phát triển đô thị quốc gia 2021 - 2030 (Chiến lược) do đại diện Công ty tư vấn Eptisa (Tây Ban Nha) trình bày tại Hội thảo, mục tiêu của Chiến lược nhằm đưa ra các hướng dẫn cho phát triển đô thị với tầm nhìn đến năm 2050 tạo ra được một hệ thống các đô thị hấp dẫn ở các quy mô khác nhau từ lớn đến nhỏ và được quản lý hiệu quả, đảm bảo tính bền vững về kinh tế, môi trường và xã hội, có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển bền vững và bao trùm của đất nước.

Chiến lược đề ra 6 chiến lược thành phần, gồm 03 chiến lược trọng tâm và 03 chiến lược thực hiện.

Theo đó, trọng tâm thứ nhất là tăng cường năng lực cạnh tranh kinh tế của đô thị. Nội dung chính là giải quyết vấn đề kết nối giao thông, thương mại, kinh tế, lao động và dịch vụ tại các cụm đô thị trong khu vực đô thị, bởi sự phát triển đô thị theo mô hình đơn tâm và thiếu kết nối dẫn đến kìm chế sự phát triển kinh tế khu vực, suy thoái môi trường ở các đô thị và khu vực xung quanh, gây thiếu hụt các nguồn

lực tài chính công kèm theo sự gia tăng bất bình đẳng giữa đô thị và nông thôn.

Trọng tâm thứ hai là Bảo vệ môi trường đô thị, xây dựng năng lực và hạ tầng thích ứng. Các hoạt động chính bao gồm: Tích hợp nội dung thích ứng và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, Tăng trưởng xanh vào quá trình lập quy hoạch đô thị; Thực hiện xây dựng đô thị nén và nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng; Nâng cao hiệu quả quản lý giao thông để giảm tắc nghẽn và ô nhiễm.

Trọng tâm thứ ba là Nâng cao chất lượng và tính bao trùm của quá trình phát triển đô thị. Nội dung này tập trung vào việc nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển đô thị vì lợi ích của mọi cư dân đô thị.

Các chiến lược thực hiện được đề xuất trong Báo cáo gồm: Xây dựng chương trình và quy hoạch đô thị hợp tác; Khuyến khích huy động nguồn lực đô thị sáng tạo, đổi mới; Bồi dưỡng năng lực và nâng cao hiệu quả quản trị đô thị.

Đánh giá về các Dự thảo Báo cáo, TS. Bùi Tất Thắng - Viện Chiến lược phát triển (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cho rằng, Dự thảo "Báo cáo đánh giá quá trình đô thị hóa ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020, mục tiêu nhiệm vụ của giai đoạn 2021 - 2030, kế hoạch 5 năm 2021 - 2025" đã được nghiên cứu công phu, nội dung bao quát khá đầy đủ các lĩnh vực phát triển đô thị, đánh giá các thành tựu cũng như những hạn chế của quá trình đô thị hóa của Việt Nam một cách thực chất, không né tránh. Theo TS. Bùi Tất Thắng, Báo cáo cần làm rõ nội hàm các khái niệm về đô thị hóa và phát triển đô thị, bổ sung các căn cứ cũng như các số liệu làm cơ sở khoa học cho các đánh giá, cần phân tích sâu hơn về các điểm nghẽn trong phát triển đô thị như giao thông đô thị, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị, đất đai đô thị.

Trong tham luận tại Hội thảo, TS. Huỳnh

Thế Du - Đại học Fulbright Việt Nam đã đưa ra cách tiếp cận mới về phát triển đô thị cần tuân thủ quy luật thị trường, nhà nước chỉ nên đóng vai trò dẫn dắt.

Theo PGS.TS. Nguyễn Hồng Thục - Viện trưởng Viện nghiên cứu Định cư, trong các dự thảo Báo cáo còn thiếu các tiêu chí cụ thể cho việc đánh giá, dự thảo Chiến lược cần phải viết rõ hơn, với các chỉ tiêu định lượng cụ thể để đảm bảo tính khả thi trong thực hiện.

TS. Nguyễn Quang - Giám đốc UN-Habitat Việt Nam đánh giá cao các dự thảo báo cáo với cách tiếp cận hiện đại, cập nhật các khái niệm, quan điểm mới về phát triển đô thị theo xu hướng của thế giới, đồng thời lưu ý ban soạn thảo các Báo cáo cần bổ sung thêm một số nội dung, dựa trên nguyên tắc phát triển đô thị bền vững và lấy con người làm trung tâm, nguyên tắc kinh tế thị trường, cũng như nhấn mạnh vai trò của cộng đồng trong quản lý và phát triển đô thị...

Phát biểu tổng kết và tiếp thu ý kiến đóng góp của các đại biểu dự Hội thảo, TS. Nguyễn

Tường Văn - Cục trưởng Cục Phát triển Đô thị (Bộ Xây dựng) bày tỏ cảm ơn các chuyên gia, các nhà nghiên cứu trong nước, quốc tế trong việc giúp Bộ Xây dựng triển khai thực hiện nhiệm vụ quan trọng Thủ tướng Chính phủ giao về xây dựng Báo cáo đánh giá trình đô thị hóa Việt Nam 2011 - 2020, mục tiêu nhiệm vụ giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch 2021 - 2025 và Chiến lược đô thị hóa Việt Nam 2021 - 2030, phục vụ công tác quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và tham khảo xây dựng Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

TS. Nguyễn Tường Văn cho biết, Ban soạn thảo tiếp thu và sẽ tiếp tục lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà quản lý, nhà chuyên môn..., thông qua Trang Thông tin điện tử của Cục Phát triển đô thị và các Hội nghị, Hội thảo sẽ được tổ chức trong thời gian tới.

Minh Tuấn

Hội thảo góp ý kiến cho dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014

Ngày 28/6/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng và Ủy ban KHCHN và Môi trường của Quốc hội đã phối hợp tổ chức Hội thảo lấy ý kiến góp ý cho dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng 2014. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng và Phó Chủ nhiệm Ủy ban KHCHN và Môi trường Quốc hội Lê Quang Huy đến dự và đồng chủ trì buổi Hội thảo.

Tham dự Hội thảo có các đại biểu đại diện của Văn phòng Chính phủ; các Bộ, ngành Trung ương; Sở Xây dựng một số địa phương khu vực phía Bắc; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng; các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xây dựng...

Tại Hội thảo, thay mặt Tổ biên tập, TS. Hoàng Quang Nhu - Cục trưởng Cục Quản lý hoạt động xây dựng (Bộ Xây dựng) cho biết, dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng (Dự thảo Luật) đề xuất sửa đổi 46/168 điều của Luật Xây dựng 2014. Các nội dung sửa đổi tập trung chủ yếu các nhóm vấn đề gồm: Hoàn thiện chính sách pháp luật về xây dựng, đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với pháp luật liên quan; cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

Theo đó, Dự thảo Luật sửa đổi các nội dung về: Quy định trách nhiệm lập và thẩm quyền phê duyệt quy hoạch xây dựng các khu chức



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu kết luận Hội thảo

năng; sửa đổi quy định đối tượng phải lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, lập đề xuất dự án thống nhất với Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư; sửa đổi, bổ sung quy định về cấp phép xây dựng/ miễn phép xây dựng công trình quảng cáo phù hợp với Luật Quảng cáo; sửa đổi các quy định về quản lý an toàn thi công xây dựng để thống nhất, đồng bộ với pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; sửa đổi quy định về chứng chỉ của tổ chức, cá nhân hành nghề thống nhất với Luật Kiến trúc, Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

Dự thảo Luật đồng thời chú trọng phân định trách nhiệm thẩm định của người quyết định đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng trong công tác thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; trách nhiệm thẩm định của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng trong công tác thẩm định thiết kế xây dựng; đơn giản hóa thủ tục hành chính bằng việc tích hợp công tác thẩm định thiết kế kỹ thuật và cấp phép xây dựng; sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức tổ chức quản lý dự án theo hướng tăng quyền chủ động cho người quyết định đầu tư, giảm đối tượng dự án bắt buộc phải quản lý dự án theo hình thức Ban quản lý dự án chuyên ngành, Ban quản lý dự án khu vực.

Bên cạnh đó, Dự thảo Luật cũng đề xuất những sửa đổi, bổ sung đối với các đối tượng



Các đại biểu góp ý cho dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng

công trình khẩn cấp, cấp bách chưa được quy định đầy đủ trong Luật Xây dựng 2014; bổ sung quy định về cơ quan chịu trách nhiệm quản lý trật tự xây dựng; bổ sung quy định về thẩm quyền và trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động phá dỡ công trình, đánh giá an toàn công trình xây dựng, nguyên tắc cơ bản về đầu tư xây dựng và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sử dụng vật liệu, sản phẩm xây dựng tiết kiệm năng lượng.

Tại Hội thảo, các nhà quản lý, chuyên gia và đại biểu đánh giá cao những nội dung được đề xuất tại dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 2014, đặc biệt là những sửa đổi nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; tăng cường sự quản lý thống nhất của Trung ương đi đôi với phân cấp và nâng cao trách nhiệm của chính quyền địa phương cũng như các chủ thể tham gia hoạt động đầu tư xây dựng, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động đầu tư xây dựng; tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đầu tư xây dựng.

Bên cạnh đó, các đại biểu cũng góp ý nhằm làm rõ hơn một số khái niệm về: Cơ quan chuyên môn về xây dựng, dự án đặc thù, dự án quy mô nhỏ, vốn nhà nước ngoài ngân sách, một số nội dung về bảo hiểm công trình xây dựng, chú trọng tăng cường vai trò nhà thầu



Toàn cảnh Hội thảo

cũng như có những quy định chặt chẽ hơn trách nhiệm quản lý của Nhà nước về xây dựng, trách nhiệm của chủ đầu tư.

Kết thúc Hội thảo, Thứ trưởng Lê Quang Hùng cảm ơn các nhà quản lý, các chuyên gia, đại biểu dự Hội thảo đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, đồng thời cho biết, Bộ Xây dựng sẽ khẩn trương tổng hợp toàn bộ các ý kiến, nghiên cứu và tiếp thu đưa vào Dự thảo Luật

một cách hài hòa, hợp lý nhất.

Theo Thứ trưởng Lê Quang Hùng, trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng, Bộ Xây dựng đã báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, đồng thời đăng tải dự thảo Luật trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng cũng như gửi trực tiếp bản dự thảo Luật đến các Bộ, ngành, cơ quan, đơn vị để lấy ý kiến rộng rãi các tổ chức, cá nhân.

Sau Hội thảo này, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục phối hợp với Ủy ban KHCN và môi trường tổ chức Hội thảo tương tự tại khu vực phía Nam nhằm tiếp thu ý kiến của các nhà quản lý, các chuyên gia, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân khu vực phía Nam trước khi hoàn thiện dự thảo Luật để trình Quốc hội cho ý kiến.

Trần Đình Hà

Sở Xây dựng Bắc Ninh triển khai hiệu quả các nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2019

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh Bắc Ninh trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2019, trong 6 tháng đầu năm, Sở Xây dựng Bắc Ninh đã tích cực triển khai, thực hiện kế hoạch đã đề ra từ đầu năm và dành được nhiều kết quả đáng khích lệ, làm tiền đề quan trọng để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ cả năm 2019.

Phát huy những kết quả đạt được từ những năm trước, 6 tháng đầu năm 2019, Sở Xây dựng Bắc Ninh tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết thủ tục hành chính 4 tại chỗ tại văn phòng Sở và tại Trung tâm hành chính công của tỉnh. Đến nay, Sở đã tiếp nhận xử lý 532 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 100% hồ sơ. Trong đó, số lượng hồ sơ được giải quyết sớm 99%, trung

bình giảm khoảng 35% thời gian giải quyết 1 hồ sơ so với quy định. Sở chủ động triển khai xây dựng 2 văn bản quy phạm pháp luật trình UBND tỉnh theo kế hoạch.

Thực hiện chủ đề ngành Xây dựng Bắc Ninh trong năm 2019 là đẩy mạnh công tác quy hoạch phát triển đô thị theo mục tiêu xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và trên cơ sở các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, Sở Xây dựng đã chủ động, tích cực triển khai công tác quy hoạch, kiến trúc, phát triển đô thị. Sở tập trung hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung tỉnh Bắc Ninh, dự kiến trình Thủ tướng phê duyệt đồ án trong quý IV/2019. Thực hiện rà soát tổng thể các đồ án quy hoạch trên địa bàn tỉnh và tích cực triển khai thực hiện các quy hoạch phân khu, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới tại các địa

phương gắn với quy hoạch phát triển đô thị, lập, điều chỉnh quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc cho phù hợp thực tiễn làm cơ sở cấp phép, quản lý trên địa bàn. Rà soát, giới thiệu địa điểm 188,17ha đất để xây dựng quy hoạch công trình giáo dục từ cấp mầm non đến trung học phổ thông.

Công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch tiếp tục được Sở Xây dựng Bắc Ninh tăng cường và có hiệu quả từ việc cung cấp thông tin quy hoạch đến quản lý thực hiện đầu tư xây dựng theo quy hoạch đã được duyệt. Công tác thẩm định, phê duyệt quy hoạch tiếp tục nâng lên về chất lượng, rút ngắn thời gian theo quy định, đáp ứng yêu cầu về thời gian của các cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm 2019, UBND tỉnh, các huyện và Sở Xây dựng Bắc Ninh đã thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch tổng số 81 đồ án, cung cấp thông tin quy hoạch, thỏa thuận quy hoạch cho 143 dự án, giới thiệu khảo sát địa điểm 91 dự án.

Cùng với đó, Sở đã chủ động tham mưu nhiều giải pháp cụ thể, hiệu quả để đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng các dự án hạ tầng như: Nhà máy nước mặt 30.000 m³/ngày đêm, rà soát việc đầu tư xây dựng hạ tầng các dự án đô thị, nhà ở, nhà chung cư và có giải pháp yêu cầu các chủ dự án hoàn thiện hạ tầng, tiếp tục hướng dẫn, đôn đốc triển khai mạng lưới cấp nước sạch cho các xã, phường còn lại và giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong xây dựng các khu xử lý chất thải rắn tập trung tại các huyện, dự án nước thải Phong Khê. Sở cũng giới thiệu địa điểm cho UBND huyện Tiên Du, huyện Yên Phong, thị xã Từ Sơn để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn đảm bảo vệ sinh môi trường, đồng thời đảm bảo hệ thống hạ tầng kỹ thuật được phát triển mạnh theo hướng hiện đại, bền vững vì mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, chất lượng đô thị.

Tham mưu cho UBND tỉnh nhiều giải pháp

đẩy nhanh tiến độ hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo và hộ có người có công theo Đề án đã được phê duyệt. Đến nay, toàn tỉnh Bắc Ninh đã có 1.050/1.150 hộ người có công được hỗ trợ nhà ở và 391/408 hộ nghèo được hỗ trợ về nhà ở.

Sở Xây dựng và UBND các cấp luôn chủ động rà soát, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến cấp giấy phép xây dựng để tạo thuận lợi cho công dân doanh nghiệp. Kết quả, 6 tháng đầu năm 2019, Các cơ quan chức năng của tỉnh đã xem xét, cấp 530 giấy phép xây dựng cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định. Công tác quản lý trật tự xây dựng được chính quyền các địa phương vào cuộc, chỉ đạo quyết liệt, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Công tác kiểm tra, xử lý vi phạm trật tự xây dựng đã bước đầu theo hướng phát triển sớm, ngăn chặn và xử lý kịp thời. Số vụ vi phạm trật tự xây dựng so với cùng kỳ năm trước đã giảm, những vi phạm về trật tự xây dựng ở quy mô lớn không xảy ra mà tập trung ở các công trình nhà ở riêng lẻ. Kết quả, 6 tháng đầu năm, UBND cấp huyện, Sở Xây dựng và Ban quản lý các KCN tỉnh đã tiến hành kiểm tra 728 cuộc, xử lý 31 trường hợp vi phạm, phạt tiền 477 triệu đồng.

Bên cạnh đó, công tác thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đều được chú trọng. Trong 6 tháng, Sở đã tham gia ý kiến vào 352 thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công. Nhìn chung, các hồ sơ đã tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật. Thông qua công tác thẩm định dự án, thiết kế - dự toán đã cắt giảm chi phí khoảng 3,6% ở cấp huyện, 5,6% đối với các Sở quản lý công trình chuyên ngành.

Về công tác kiểm tra chất lượng công trình, qua 6 tháng đầu năm, Sở Xây dựng Bắc Ninh đã kiểm tra công tác quản lý chất lượng công trình và kiểm tra nghiệm thu đưa vào sử dụng 185 công trình và kịp thời hướng dẫn các đơn vị giải quyết các vướng mắc trong quản lý chi phí

đầu tư xây dựng. Sở đã ban hành 5 công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá Quý IV/2018 và Quý I/2019 giúp chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, nhà thầu tham khảo, áp dụng điều chỉnh giá cho phù hợp. Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong quá trình kiểm tra, thanh tra các công trình.

Về công tác quản lý vật liệu xây dựng, Sở Xây dựng Bắc Ninh thường xuyên nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động, công tác quản lý chất lượng vật liệu xây dựng của các nhà máy, các dự án sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn, tiếp tục đôn đốc và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng chuyển đổi sản xuất gạch đất sét nung từ công nghệ lò vòng sang công nghệ tuylen.

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2019, Sở Xây dựng Bắc Ninh đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm như sau: Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, chú trọng nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, tăng cường giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế 4 tại chỗ, ứng dụng công nghệ thông tin để rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính. Thực hiện công bố công khai các quy hoạch xây dựng, công trình xây dựng, dự án đầu tư xây dựng, năng lực của các tổ chức, cá nhân, minh bạch hóa tiếp cận thông tin quy hoạch; tập trung xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch đã đăng ký trình UBND tỉnh và một số văn bản bổ sung đảm bảo chất lượng, đúng kế hoạch; tập trung hoàn thành các chương trình khung về quy hoạch đô thị đáp ứng các mục tiêu tỉnh trở thành thành phố trực thuộc trung ương. Cụ thể là hoàn thành điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quý I/2019, triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch phân khu báo cáo lãnh đạo tỉnh theo kế hoạch đồng thời điều chỉnh quy hoạch chung nông thôn mới tại các địa phương gắn với chương trình phát triển đô thị, triển khai dự án

GIS ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch.

Bên cạnh đó, Sở cũng tăng cường công tác quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị theo hướng kiến trúc hiện đại, có nhiều công trình kiến trúc hợp khối, cao tầng, hiện đại, có kiến trúc đẹp, khái quát được các nét đặc trưng của vùng văn hóa Kinh Bắc; tăng diện tích đất xây dựng trường học, công viên, cây xanh và bãi đỗ xe tĩnh và ngầm, giữ gìn phát triển cây xanh, mặt nước, xây dựng hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo; tập chung chỉ đạo các địa phương hoàn thiện Đề án trình Bộ Xây dựng công nhận thị trấn Tiên Du, Yên Phong và Quế Võ là đô thị loại IV, nâng cấp xã Nhân Thắng, huyện Gia Bình lên thị trấn và 8 xã của thành phố Bắc Ninh, thị xã Từ Sơn thành phường nhằm đạt mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 38% theo kế hoạch; tập trung triển khai các tiểu đề án và hoàn thiện Đề án Xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022. Đẩy mạnh phối hợp với các địa phương triển khai các chương trình nhà ở cho người có công, nhà ở cho người nghèo, đồng thời đẩy nhanh việc lựa chọn chủ đầu tư thực hiện các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp; thúc đẩy công tác quản lý vật liệu xây dựng, chú trọng phát triển vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường; tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm đồng thời chú trọng nâng cao chất lượng công tác thẩm định, phê duyệt các đồ án quy hoạch xây dựng.

Có thể nói, với sự quan tâm, sát sao của lãnh đạo UBND tỉnh Bắc Ninh, trong 6 tháng đầu năm 2019, Sở Xây dựng đã tích cực triển khai và hoàn thành các mục tiêu được đề ra trước đó. Đây là cơ sở quan trọng để Sở Xây dựng Bắc Ninh phấn đấu thực hiện thành công các mục tiêu, kế hoạch của 6 tháng cuối năm và của cả năm 2019.

Trần Đình Hà

Đặc điểm kiến trúc của các tổ hợp công trình công cộng tại khu vực ven bờ ở các thành phố lớn trên thế giới

Một trong những xu thế quan trọng nhất trong các chiến lược cải tạo đô thị hiện đại là tạo sự hài hòa giữa con người, thiên nhiên và thành phố. Những vấn đề cơ bản mỗi thành phố thường xuyên phải đối mặt - mật độ xây dựng quá dày đặc, các khu vực ngoại ô xuống cấp, sử dụng đất đô thị kém hiệu quả, thiếu hài hòa giữa các khu vực lãnh thổ trong đô thị... Trong thực trạng khan hiếm lãnh thổ như hiện nay, các khu vực ven bờ (sông, hồ, biển) có tiềm năng rất lớn, và có tầm quan trọng đối với sự phát triển quỹ đất đô thị.

Các cải cách trong quy hoạch đô thị liên quan tới việc cải tạo các khu vực bờ thường nhằm mục đích hình thành hoặc hoàn thiện hệ thống không gian công cộng, dựa vào việc biến các bờ của khu vực nước thành các khu vực nghỉ ngơi giải trí, với các công trình kiến trúc lớn có ý nghĩa xã hội. Sử dụng tài nguyên lãnh thổ để phát triển đô thị theo hướng này đòi hỏi những nghiên cứu và tư duy nghiêm túc. Kinh nghiệm cải tạo những thành phố lớn như Oslo, Hamburg, Lyon, Barcelona, Vancouver, Amsterdam, Copenhagen và nhiều thành phố khác cho thấy: Các công trình kiến trúc khu vực bờ là một nguồn tài nguyên lớn để vận hành và phát triển các siêu đô thị.

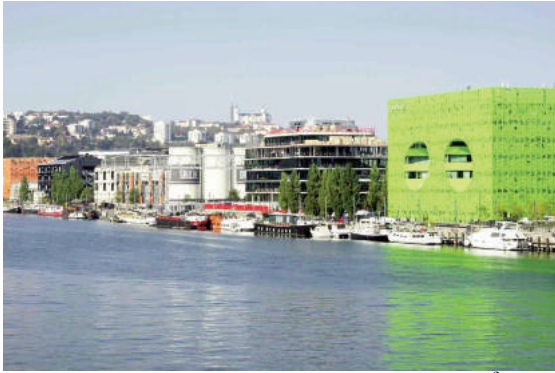
Theo các quy định trong Quy hoạch tổng thể Oslo (Na Uy) đến năm 2025, chính quyền đã thông qua một chương trình toàn diện - "thành phố các vịnh biển" - nhằm tái thiết khu vực bờ biển của Oslo. Theo chương trình, một tuyến phố đi bộ rộng rãi đã được hình thành dọc theo dải bờ biển; nhà ở, văn phòng, các công trình văn hóa và nhiều không gian giải trí khác nhau xuất hiện thế chỗ khu công nghiệp cũ. Hiện nay, trong cơ cấu khu vực bờ biển Oslo là các công trình công cộng và các tổ hợp văn hóa nghệ thuật lớn - Nhà hát Opera, bảo tàng Munch, bảo tàng Nghệ thuật hiện đại Astrup Fearnley, các



Quận mới HafenCity (Hamburg, CHLB Đức) công trình thuộc khu làm việc Barcode...

Chương trình phát triển khu vực cảng HafenCity ở Hamburg (CHLB Đức) được hình thành dựa trên nguyên tắc tạo một không gian hài hòa, gắn kết hữu cơ với đô thị lịch sử. HafenCity nằm trong một khu vực được chia cắt bởi các kênh đào hẹp và các bến tàu lịch sử. Để hình thành mặt trước khu bờ biển với tổng chiều dài xấp xỉ 10 km và cải tạo chỉnh trang toàn bộ khu vực, mật độ xây dựng dày đặc theo truyền thống đã được áp dụng triệt để. Trên bờ các con kênh là các công trình lớn và các tổ hợp công trình công cộng - bảo tàng Hàng hải quốc tế, bảo tàng xe đua Prototype, trường đại học Kiến trúc, tòa nhà Hamburg Philharmonic, rất nhiều tòa nhà văn phòng độc đáo của các Tập đoàn và doanh nghiệp lớn. (Hình 1)

Pháp cũng đã triển khai chương trình cải tạo thành phố Lyon, gồm "kế hoạch màu xanh" nhằm hiện đại hóa các địa điểm công cộng nội đô, và "kế hoạch màu lam" nhằm xác lập sự kết nối của thành phố với các không gian nước. Trong khuôn khổ "kế hoạch màu lam", vấn đề tồn tại khu công nghiệp giữa trung tâm thành phố trên bán đảo Lyon Confluence (kéo dài suốt từ ga xe lửa Perrache đến ngã ba sông Rhône và Saône) đã được giải quyết, trả lại cho người dân một không gian thoáng đãng để dạo chơi, nghỉ ngơi dọc theo bờ sông Saône. Khu



Khu vực bờ sông Saône (Lyon, Pháp) sau cải tạo
 vực ven bờ của bán đảo được chỉnh trang tổng thể bằng các tuyến đường dành cho người đi bộ và đi xe đạp dọc bờ sông Saône, trung tâm thương mại - giải trí lớn, bảo tàng Confluence, trung tâm đa năng (Orange Cube), trụ sở Kênh tin tức quốc tế Euronews (Green Cube), tòa nhà văn phòng công ty GL Events và nhiều công trình khác. (Hình 2)

Ví dụ về việc kết hợp các không gian nước vào cấu trúc các khu vực công cộng ở thành phố Villahermosa (Mexico) rất thú vị. Thành phố nằm bên sông Grijalva, trên nền đất sét bão hòa, với nhiều hồ đầm ở trung tâm thành phố. Trong quá trình cải tạo quy mô lớn, các hồ này được lên kế hoạch làm sạch và sử dụng phục vụ người dân. Phần lớn khu vực trung tâm kết nối với Đại lộ Paseo-Tabasco. Theo chương trình tái thiết, dọc theo dải phân cách của Đại lộ, một làn đường rộng dành cho người đi xe đạp và người đi bộ được xây dựng và được phủ xanh.

Nhờ làn đường mới, diện tích xanh tăng lên và các khu nghỉ ngơi giải trí tại trung tâm thành phố được hợp nhất thành một hệ thống thống nhất, gồm các ao hồ và hai khu công viên lớn. Việc xây các đường trồng cây xanh dọc theo sông và phân ven bờ các hồ nước góp phần hình thành một trung tâm nghỉ dưỡng lớn. Hướng tây bắc của Đại lộ Paseo-Tabasco sau cải tạo được nối tiếp bằng cầu - bảo tàng "Bảo tàng Văn hóa", với một hội trường 700 chỗ ngồi, quán cà phê, nơi ngắm cảnh và các quảng trường đi bộ.



Nhà hát Opera (Oslo, Na Uy) với các mái nghiêng độc đáo

Qua các ví dụ vừa nêu và nhiều dự án cải tạo quy mô những khu vực ven bờ của các thành phố lớn trên thế giới, có thể khẳng định: Các điều kiện để xây dựng tất cả các công trình kiến trúc công cộng của khu vực ven bờ cần được xác định dựa theo những nguyên tắc chung trong quy hoạch phát triển đô thị và cải tạo các vùng ven bờ. Các quy hoạch tổng thể của hầu hết các thành phố lớn hiện nay đều thể hiện vai trò quan trọng của các khu vực ven bờ - trước hết, đó là những yếu tố thành phần cơ bản của hệ thống nghỉ ngơi giải trí trong đô thị. Điều này cũng được đề cập trong nhiều công trình nghiên cứu liên quan của các kiến trúc sư, các nhà phê bình kiến trúc nổi tiếng thế giới như J. Gale, Z.G. Viranyi, V. Rybchinsky, A. Rossi, C. Ellard...

Các ví dụ cho thấy: Khi cải tạo tổng thể khu vực bờ, các vấn đề sau được giải quyết:

- Chúng tỏ năng lực, thể hiện xu hướng đầy mạnh việc sử dụng lãnh thổ và các công trình hiện có trong lãnh thổ;

- Xác định các tài nguyên nghỉ dưỡng (tiêu dùng) của khu vực bờ nhằm đảm bảo tiện nghi cho cư dân và du khách, xác định năng lực phát triển của các lãnh thổ về mặt kinh tế - xã hội;

- Lập kế hoạch hài hòa chức năng đô thị cho các khu vực bờ, xác lập các nguyên tắc để đưa những khu vực này vào hệ thống các không gian công cộng của thành phố;

- Hình thành mạng liên kết các đường phố



Bảo tàng Astrup Fearnley (Oslo, Na Uy)

và các tuyến giao thông, kết nối khu vực ven bờ với trung tâm thành phố và các đường cao tốc;

- Bảo đảm các tiền đề xây dựng chỉ số lợi ích tiêu dùng như một chỉ tiêu tổng hợp thể hiện tính hấp dẫn của khu vực lãnh thổ.

Với những điều kiện như trên, các thành phố sẽ hình thành được những tâm điểm thu hút các dòng dân cư, dòng phương tiện giao thông và tăng cường các chức năng đô thị. Các khu vực trong thành phố được liên kết với nhau một cách tự nhiên, do đó có thể được coi như một phần của quá trình cải tạo toàn thành phố. Vị trí lãnh thổ của các khu vực ven bờ, tính đa năng vốn có, sự giao hòa của các nhóm dân cư khác nhau, sự hài hòa với môi trường khu vực của các công trình và các yếu tố cải tạo chỉnh trang khác - tất cả sẽ tạo những điểm nhấn bổ sung và xác định chất lượng mới của không gian đô thị.

Kinh nghiệm của các thành phố lớn cũng cho thấy xu thế mới hiện nay - tích cực đưa kiến trúc nước vào cuộc sống đô thị thông qua việc phát triển các khu vực ven bờ trước đây được sử dụng vì các mục đích khác. Yếu tố chủ đạo là hiện thực hóa ý tưởng hình thành các công trình kiến trúc lớn có khả năng thúc đẩy quá trình cải tạo môi trường xung quanh. Một số dự án được dẫn chứng sau đây không chỉ thể hiện tính cá nhân của các giải pháp nghệ thuật và tính nguyên bản của các giải pháp kiến trúc, giải pháp kỹ thuật - công nghệ, mà còn cho thấy khả năng tạo một không gian hết sức độc đáo xung quanh, và trở thành những biểu tượng



*Bảo tàng Guggenheim (Bilbao, Tây Ban Nha)
bên bờ sông Nervión*

kiến trúc mới.

Quận Bjorvik với nhiều công trình cảng biển cũ chiếm một phần khu vực ven biển của Thủ đô Oslo (Na Uy). Các công trình cũ đã được thay thế bằng nhà hát Opera mới.

Công trình nằm trên một bán đảo nhân tạo, nổi bật trong không gian vịnh. Ý tưởng cơ bản của các kiến trúc sư là xây một nhà hát siêu hiện đại, đồng thời kết hợp hữu cơ vào không gian xây dựng đô thị, cảnh quan thiên nhiên khu vực bờ biển và bề mặt êm ả của vịnh Oslo.

Bố cục không gian chức năng bên trong nhà hát được thực hiện theo truyền thống, theo mô hình kết hợp các sân khấu hàn lâm và thử nghiệm. Tại đây có hơn 1100 căn phòng, ba sân khấu với 1360, 200 và 400 chỗ ngồi. Một trong hai sân khấu nhỏ được sử dụng đa năng – có thể làm phòng đại tiệc, phòng hòa nhạc, sân khấu thử nghiệm hoặc nhà hát tuổi thơ. Tại đây còn tổ chức dàn hợp xướng cho trẻ em và các lớp múa ba lê. Cấu trúc quy hoạch tổng thể của nhà hát theo mô hình nén, trong đó ba khu vực chính được phân ra rất rõ: Sân phụ và khán phòng, các sân khấu, khu vực dịch vụ (với các nhà hàng, quán cà phê, cửa hiệu...)

Điểm nổi bật nhất của nhà hát Opera là có thể khai thác một diện tích lớn của phần mái nghiêng về phía mặt nước. Không chỉ khán thính giả trong thời gian nghỉ giải lao, mà tất cả những ai muốn đều có thể dạo chơi trên mái nhà hát - nơi có đường dốc thoải xuống



*Cầu - bảo tàng độc đáo tại Villahermosa
(Tobasco, Mexico)*

phía bờ biển. Trên mái này, còn có thể tổ chức picnic, đi xe đạp hoặc ván trượt, và nhiều hình thức thể thao giải trí khác.

Việc tổ chức không gian của nhà hát được thực hiện theo ý đồ của các tác giả - tạo mối liên kết giữa biển và đất liền thông qua một nền tảng, nền tảng này bằng những đường chéo sắc nét của các bề mặt nghiêng tạo nên bóng dáng một mái nhà nhô cao từ mặt biển. Khi dạo chơi dọc theo bờ biển, mọi người đều có thể bắt đầu hành trình từ mép vịnh đến đỉnh nhà hát, và từ đó chiêm ngưỡng cảnh quan thành phố và bức tranh toàn cảnh của vịnh biển. Tự do lựa chọn phương hướng của người đi bộ và phương tiện giao thông, khả năng nghỉ ngơi chủ động và thụ động, tính linh hoạt khi sử dụng các không gian mở được bảo đảm bởi sự tương tác lẫn nhau của nước - mái dốc - các điểm cuối của nền tảng và khu vực ven bờ, tất cả những yếu tố đó tạo thành hệ thống các không gian liên tục “chảy” chứ không “đọng”, mang lại sự tiện nghi. Trong môi trường rất năng động đó, tòa nhà nhà hát không chỉ là một điểm nhấn về mặt không gian và nghệ thuật, mà còn là tâm điểm mới của các hoạt động đô thị. Công trình đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập mối liên hệ giữa các công trình lịch sử của phần phía tây với kiến trúc hiện đại ở phía đông thành phố. Công trình cũng trở thành sợi dây liên kết giữa thành phố và biển, giữa những hình thức của tự nhiên với các công trình xây dựng hiện



*Bên trong cầu - bảo tàng Villahermosa
đại cao tầng, bằng cách đó cảnh quan khu vực
gần gũi tự nhiên ở mức tối đa. (Hình 3)*

Trong cơ cấu khu vực bờ biển mới được hình thành của Oslo có một công trình mang tính biểu tượng khác - bảo tàng nghệ thuật hiện đại Astrup Fearnley. Tổ hợp này nằm trong quận mới Tjuvholmen ở cuối doi đất nhô ra vịnh. Kiến trúc của công trình tiếp tục được phát triển dọc theo trục của khu vực đi bộ mới, trải dài từ bến thuyền, từ điểm cực của khu vực bờ đến bảo tàng trên đất liền. Tổ hợp có tổng diện tích hơn 7 nghìn m², bao gồm một bảo tàng nghệ thuật với 10 gian triển lãm, trung tâm văn hóa - giải trí và khối văn phòng. Bố cục tuyến tính của cả tổ hợp dựa trên một mạng lưới các lối đi ngang dọc đan xen dành cho người đi bộ. Trục quy hoạch của công trình là một kênh đào, phân chia công trình thành hai phần không đều nhau. Bằng thủ pháp này, cấu trúc không gian của bảo tàng được hình thành bằng ba khối nhà riêng biệt và một mặt phẳng cong của mái bằng kính, nom tựa một cánh buồm. Mái nhà là yếu tố bố cục chủ đạo, kết hợp các khối riêng biệt thành cụm kiến trúc thống nhất. Trên các lãnh thổ liền kề, hệ thống các không gian công cộng được hình thành. Ở phía đông (của bảo tàng), bên bờ biển là một công viên nhỏ, một khu vườn với những bức tượng điêu khắc đẹp, các quán cà phê xinh xắn, bãi tắm trải dài. Ở phía tây, trên phần đường dành cho người đi bộ có một quảng trường nhỏ với những bậc thang để khách từ viện bảo tàng có thể đi xuống. Như

vậy, chức năng xã hội đã được hình thành trong cả khu vực - đó là chức năng của một không gian công cộng hấp dẫn, thú vị không chỉ đối với khách tham quan bảo tàng. Thành phố đã được hưởng lợi nhiều hơn là một trung tâm xã hội đa năng đơn thuần - có một địa điểm mới biểu thị tính hấp dẫn của cuộc sống đô thị giữa môi trường tự nhiên. (Hình 4)

Khi đề cập tới những công trình kiến trúc lớn liên quan đến nước, không thể không nhắc tới Bảo tàng Guggenheim nổi tiếng tại Bilbao (Tây Ban Nha). Với Bilbao, sự phát triển đô thị thành công gắn liền với sự xuất hiện của công trình đặc biệt này, khi đây được coi là lý do chính của “hiệu ứng Bilbao”. Các chuyên gia đánh giá kiến trúc khác thường của công trình là sự thể hiện tự nhiên các quá trình tái thiết đô thị sâu sắc.

Trên các khu đất trống tại trung tâm thành phố sau khi di dời tổ hợp công nghiệp, một khu văn hóa - nghỉ ngơi giải trí lớn được xây dựng. Hạ tầng dành cho giao thông và người đi bộ được hoàn thiện với công viên, đường đi bộ dài 3km dọc theo sông, một số công trình độc nhất vô nhị đã được xây dựng, nổi bật là Bảo tàng Guggenheim.

Bảo tàng được xây dựng trên một khu đất có không gian đa chiều. Một mặt, tuyến phố chính của thành phố chạy thẳng tới đây; mặt khác, khu đất là một phần của khu vực bờ, tiếp giáp với cầu qua sông Nervión. Do đó, bảo tàng là một địa điểm đặc biệt mà các tuyến giao thông chính đều hướng đến. Đó cũng chính là cơ sở để hình thành hạ tầng dành cho người đi bộ rất hiệu quả, có ảnh hưởng không nhỏ đến tổ chức bên trong và bên ngoài của tòa nhà bảo tàng.

Khu đất hạ thấp dần xuống sát mép nước, điều này cho phép bố trí tòa nhà bảo tàng trên một số bậc thềm nhân tạo, tạo nên những tầng bậc và không gian cầu thang độc đáo, vận dụng sự chênh lệch độ cao để thiết kế không gian xanh. Giải pháp quy hoạch của công trình phản ánh các đặc điểm vật lý của khu đất - phân xạ hợp lý với độ uốn khúc của con sông,

với địa hình phức tạp và cao độ của khu đất xây dựng. Cấu tạo chức năng của bảo tàng vẫn theo truyền thống. Các phòng trưng bày, không gian triển lãm, thư viện, phòng hội nghị, nhà hàng, quán cà phê, nhà sách, không gian giao tiếp, không gian nghỉ ngơi, bãi đậu xe chiếm tổng diện tích 24 nghìn m². Kiến trúc ngoại thất công trình là những hình khối theo trường phái biomorphic tập hợp xung quanh một lõi trung tâm, sao chép hình ảnh của một cấu trúc tự nhiên. Không gian nội thất được tổ chức không kém phức tạp: Các gian trưng bày hiện vật, sảnh dành cho khách tham quan, quầy hàng lưu niệm, các studio và nhiều phòng chức năng khác... Quỹ đạo di chuyển của các dòng khách từ bên ngoài vào bên trong tòa nhà tạo thành các sợi đan xen rất phức tạp.

Tiếp giáp với mặt tiền của tòa nhà (đồng thời là một phần của giải pháp bố cục - kết cấu) là những sân triển lãm ngoài trời, khu vực nghỉ ngơi - giao tiếp, các quầy dịch vụ theo mùa, không gian xanh và không gian mặt nước. Lối đi dạo, cầu qua các hồ nước, cầu thang, các khoảng không gian mở, quảng trường dành cho người đi bộ bắt đầu từ phía tuyến phố chính của thành phố - tất cả tạo nên hạ tầng bền vững dành cho người đi bộ, một khung không gian trong hệ thống chung của các không gian công cộng.

Tính bền vững của hệ thống được bảo đảm bởi sự phân tách các dòng phương tiện và dòng người đi bộ ở các mức nhờ đặc điểm tầng bậc tự nhiên của khu đất, kết hợp với các cầu đi bộ qua sông và việc xây đường cao tốc trên các cầu vượt. Hiệu quả đạt được tuyệt vời - không chỉ năng lực tiếp cận và sự an toàn cho con người, mà cả tính đa chiều, sự đa dạng của những góc nhìn khác nhau về thành phố và mặt nước. Trung tâm của toàn bộ hệ thống là tòa nhà bảo tàng, được kết hợp một cách hữu cơ vào môi trường xung quanh và có vai trò duy trì bố cục của khu vực xây dựng ven biển. (Hình 5)

Cầu - bảo tàng ở Villahermosa, thủ phủ bang Tabasco (Mexico) là một phần của

chương trình tái thiết Đại lộ Paseo-Tabasco, dành cho chủ đề nghệ thuật và văn hóa của các dân tộc trên thế giới. Hình thức và cấu trúc bên trong của công trình mang nhiều ý nghĩa - đảm bảo an toàn cho người dân khi đi qua đường cao tốc, kết nối hai công viên trên hai bờ đối diện của đầm phá bằng một khu vực có chức năng hoạt động triển lãm, giải quyết vấn đề về sự đối lập của tòa nhà với môi trường tự nhiên xung quanh, kích thích du khách chiêm ngưỡng phong cảnh thiên nhiên.

Cầu - bảo tàng, với một khán phòng ngoài trời nằm ở một đầu cầu, đóng vai trò quan trọng và tích cực của một không gian công cộng, và góp phần hình thành hệ thống chung các không gian công cộng trong khu vực đô thị. Sự kết hợp hữu cơ của các giải pháp tạo hình bên ngoài và các yêu cầu nghiêm ngặt trong tổ chức tòa nhà bảo tàng trên nguyên tắc “các không gian chảy không ngừng” đảm bảo sự thoải mái cho du khách nghỉ ngơi, tham gia các hoạt động văn hóa - giải trí, và biến nơi này thành một điểm du lịch nổi tiếng. (Hình 6,7)

Qua phân tích một số ví dụ trên và nhiều ví dụ khác về các công trình công cộng lớn tại các khu vực ven bờ trong đô thị, có thể rút ra kết luận: Nước tham gia tích cực vào ngữ cảnh không gian - lãnh thổ, và có vai trò mới khi trở thành yếu tố tương tác xác lập tính hấp dẫn của địa điểm, điều kiện khai thác lãnh thổ và kiến trúc của các công trình được bố trí tại đó. Vấn đề cải tạo khu vực ven bờ thông qua sự phối hợp của các công trình công cộng hiện nay được đề cập rất nhiều trong các xuất bản phẩm của E. Mikhailova, V.A. Nefedov, M. Troshina, I. Shipova... và nhiều nhà phê bình kiến trúc Nga khác. Việc nghiên cứu vấn đề này giúp làm rõ một số điều kiện đáng chú ý học hỏi khi lập kế hoạch khai thác các khu vực bờ của Liên bang Nga. Trong đó có:

- Loại bỏ các phương tiện giao thông tại các khu vực này, tách biệt các khu vực dành cho người đi bộ nhằm tránh giao cắt với các tuyến

giao thông;

- Sự hiện diện thường xuyên của các yếu tố tự nhiên và khả năng tiếp xúc với môi trường thiên nhiên vào mọi mùa trong năm;

- Sự tương tác về mặt không gian của các khu vực đô thị với dải ven bờ thông qua một hạ tầng đi bộ hiệu quả, gồm cả việc đi qua các lãnh thổ của các công trình công cộng ven bờ;

- Bảo đảm người đi bộ có thể tự do lựa chọn các hướng di chuyển, duy trì các không gian nước;

- Khai thác các khu vực chuyển tiếp như những không gian tích hợp: Các khu vực nghỉ ngơi, giao tiếp, khu vực dành cho các hoạt động đại chúng, trình diễn... được bảo đảm đầy đủ hạ tầng dịch vụ kèm theo;

- Tạo chu tuyến không gian “mờ” và “không cụ thể” của các công trình xây dựng suốt dọc bờ; xóa bỏ tính thụ động về không gian của các vùng lãnh thổ ven bờ;

- Sự đa dạng màu sắc của các công trình gần mặt nước nhằm biểu thị trực quan các kết cấu quan trọng, cũng như làm phong phú bức tranh toàn cảnh khu vực ven bờ;

- Sử dụng các đặc điểm cảnh quan của khu vực: Địa hình hạ thấp, đường bờ hấp dẫn, các công trình nước lấn sâu vào lãnh thổ (như kênh đào, ngòi sông, hồ), các đảo nhân tạo và đảo tự nhiên...

Việc nghiên cứu các điều kiện sẽ giúp xác định không chỉ đặc điểm của lãnh thổ ven bờ mà còn làm rõ cơ sở để xây công trình kiến trúc dự kiến tại vị trí đó. Cần lưu ý kiểu hình của các công trình công cộng dọc dải đất bờ khá đa dạng. Phần lớn các công trình độc đáo khu vực bờ là các bảo tàng, nhà hát, thư viện và các tòa nhà văn phòng - nguồn tài nguyên có sức hút mạnh mẽ đối với một lượng người rất đông. Các vấn đề về cấu trúc nội thất của các công trình như vậy đã được đề cập trong các tác phẩm nghiên cứu của A. Vyazemtseva, A. Martovitskaya, V.A. Nefedov...

Liên quan tới chất lượng mới của kiến trúc

các công trình công cộng khu vực ven bờ, một số điểm cần lưu tâm:

- Xây dựng ý tưởng về một công trình kiến trúc gần khu vực nước như một tâm điểm, một thổi nam châm mới thu hút du khách khi đến các không gian ven bờ;

- Cần đưa bề mặt nước vào bố cục của công trình, tức là coi nước như một trong những khởi đầu để hình thành cấu trúc một ý tưởng tổng thể;

- Ngoài chức năng chính, một công trình như vậy rõ ràng còn có thể hoạt động hiệu quả trong môi trường đô thị như một yếu tố nghỉ ngơi giải trí;

- Công trình là một trọng tâm (về mặt chức năng, không gian, biểu tượng) của sợi dây liên hệ giữa mặt đất và mặt nước, tạo ra không chỉ những điểm nhấn mới trong không gian mà cả những giải pháp quy hoạch không gian đặc thù trong việc tạo hình kiến trúc;

- Cấu trúc đa hướng của các công trình công cộng ven bờ, tức là tương tác mở của các không gian và bề mặt nội thất, ngoại thất của công trình (trước hết chính là mặt nước), để có thể “làm mờ” ranh giới trực quan giữa công trình và mặt nước.

Tóm lại, các đặc điểm của công trình, tầm quan trọng của các lãnh thổ ven bờ trong hệ thống đô thị, các mục tiêu cải tạo, đặc điểm từng lãnh thổ cụ thể trong điều kiện tương tác giữa mặt nước và mặt đất sẽ xác định rõ vai trò trong không gian, kiến trúc và các nguyên tắc tổ chức bên trong một công trình công cộng khu vực bờ. Các nguyên tắc cơ bản là tính đa năng, tính tổng hợp, tính trọng tâm, tính đa chiều.

Đặc thù của quan hệ tương tác giữa một công trình công cộng lớn với công trình nước là nguyên nhân xuất hiện nhiều vấn đề mang tính kỹ thuật. Hầu hết các vấn đề về kiến trúc công trình đều xoay quanh việc xem công trình ven bờ như một công trình kỹ thuật, do các công trình này thường nằm trong đất liền hoặc khu vực đất phù sa. Trong mọi trường hợp, vấn đề phát triển cảnh quan của vùng ven bờ để đạt

được các mục tiêu về bố cục luôn hiện hữu – mở rộng các doi đất, tăng chu vi hoặc cải thiện cao độ đường bờ, bồi đất nhân tạo để tạo lãnh thổ mới (kể cả các lãnh thổ đảo) có tính tới an toàn vận hành khai thác.

Kinh nghiệm hiện nay trong xây dựng và sử dụng các công trình khu vực duyên hải cho thấy cơ hội thỏa hiệp giữa tính tiện nghi và sự an toàn. Hệ thống các công trình gia cố bờ được áp dụng tại các khu vực gần bờ có thể được chia thành ba nhóm:

1. Gia cố kỹ thuật khu vực bờ nhờ các phiến bê tông hoặc đá granit, bê tông nguyên khối, đá tự nhiên, đồng thời khu vực bờ được coi là công trình kỹ thuật dạng tuyến với việc bố trí các tòa nhà theo từng điểm;

2. Ứng dụng các kết cấu có tính chất chắn sóng hiệu quả - dề, kè chắn sóng, bậc thang, ụ đốc có chiều dài khác nhau, nền tảng nổi... để làm một phần của tòa nhà hoặc làm các trọng tâm về mặt không gian. Trong vùng ảnh hưởng của các kết cấu đó bố trí các công trình kiến trúc và hình thành các khu vực đi bộ;

3. Hình thành khu vực ven bờ đa mức với việc phân tách các luồng giao thông; bố trí dòng người đi bộ, các không gian công cộng (có bảo đảm điểm tiếp cận trực tiếp với nước) trong các công trình công cộng, tại các khu vực chuyển tiếp, các khu vực nghỉ ngơi bằng cách áp dụng các cầu thang, bậc thềm, sân thượng, lối lên (xuống)...

Nhờ áp dụng các giải pháp kỹ thuật đặc biệt, có thể xây dựng các khu ven bờ đơn tầng và đa tầng, kết hợp đầy đủ hoặc một phần các công trình công cộng, phân bố các khu vực công cộng và khu vực kinh tế, tổ chức giao thông, đi bộ, qua đó xóa bỏ tình trạng lộn xộn và sử dụng lãnh thổ thiếu hiệu quả, tình trạng ô nhiễm môi trường, bảo đảm hiệu quả năng lượng cho các công trình ven bờ. Trong bối cảnh đó, một vấn đề đặt ra là cần cấp bách bổ sung các văn bản tiêu chuẩn bằng những quy định mới, và nghiên cứu khung pháp lý phù hợp.

Để kết luận, cần khẳng định một lần nữa: Các công trình, các tổ hợp công trình công cộng tại các khu vực bờ phải được xem như một lĩnh vực tạo hình đặc biệt, một mảng riêng trong thiết kế và xây dựng các công trình kiến trúc. Điều này được thúc đẩy mạnh mẽ hơn, không chỉ bởi khả năng tiếp xúc trực tiếp của người dân với các yếu tố tự nhiên, mà còn bởi sự đa dạng hóa ý nghĩa văn hóa xã hội của các công trình này – là địa điểm nghỉ ngơi yên tĩnh, là khu vực tương tác dành cho các hoạt động cá nhân và tập thể của các nhóm công dân (nghệ sĩ, nghệ sĩ, nhà văn, chính trị gia, khán thính giả), tạo ngữ cảnh độc đáo cho sự tương tác và giao tiếp xã hội của người dân, khách tham quan và

chính quyền.

Các công trình này có thể tạo những điểm nhấn mới trong không gian đô thị. Những chương trình cải tạo đô thị quy mô luôn nhìn nhận các công trình kiến trúc khu vực bờ như những ngưỡng cửa tượng trưng giữa đất liền và khu vực nước, như điểm giao hòa của thành phố và thiên nhiên, của cuộc sống hàng ngày và những kỳ nghỉ lý thú.

L.Gaikov

Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information Technology tháng 2/2018

ND: Lê Minh

Xu hướng chuyển đổi của các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ

Nhận thức đúng và thích hợp với thời cuộc là tiền đề căn bản để các doanh nghiệp xây dựng đổi mới và phát triển. Doanh nghiệp xây dựng, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ cần có sự nhìn nhận khách quan về các vấn đề mới như điều chỉnh kết cấu, đổi mới thúc đẩy sản xuất ... nhận thức rõ về xu thế phát triển của doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ, từ đổi mới tư tưởng, đổi mới quản lý, đổi mới kỹ thuật để thực hiện chuyển đổi, đổi mới cải cách doanh nghiệp.

I. Những vấn đề chính phải đối mặt của các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ

Trong thời kỳ công nghiệp hóa, đặc biệt là sự phát triển mới nổi của các kết cấu lắp ghép đã đẩy nhanh tốc độ nâng cấp, tối ưu hóa trong công nghiệp xây dựng. Áp lực chi phí ngày càng tăng về nhân công, tài nguyên, môi trường cùng vấn đề thị trường bão hòa, kinh tế suy thoái, nhu cầu giảm, quan niệm tiêu dùng thay đổi..., yêu cầu đặt ra đối với sự phát triển của các doanh nghiệp xây dựng, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ lại càng cao hơn.

1. Tốc độ tăng trưởng và phát triển tổng thể

chậm lại, áp lực nâng cấp chuyển đổi gia tăng

Do ảnh hưởng gia tăng của suy giảm kinh tế, ngành Xây dựng cũng phát triển với tốc độ chậm lại, điều này tạo ra những tác động tiêu cực tới sự phát triển của ngành Xây dựng. Có nghĩa là, thời kỳ theo đuổi hiệu quả từ quy mô của các doanh nghiệp xây dựng đã kết thúc, áp lực chuyển đổi nâng cấp dần dần gia tăng.

2. Cung vượt cầu ngày càng lớn, việc điều chỉnh kết cấu trở nên cấp thiết

Lấy ví dụ trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, nhu cầu nhà ở, diện tích hoàn thành, số dự án khởi công mới hiện nay đang giảm mạnh. Kết cấu ngành bất hợp lý là vấn đề tồn tại trong thời gian dài của ngành Xây dựng, cũng là nguyên nhân kiềm chế sự phát triển của các doanh nghiệp xây dựng. Dưới tác động của các nhân tố như tốc độ phát triển chậm, mâu thuẫn tài nguyên môi trường..., mâu thuẫn cung cầu cũng ngày càng sâu sắc đang thúc ép ngành Xây dựng đẩy nhanh tốc độ chuyển đổi nâng cấp.

3. Phương thức xây dựng mở rộng, mức độ phụ thuộc đổi mới kỹ thuật gia tăng

Tỷ lệ các công trình lắp ghép trong các công

trình mới xây tại các nước phát triển trên thế giới có thể đạt tới 60%, thậm chí là cao hơn, trong khi đó tại các nước đang phát triển, việc thi công bê tông đổ tại chỗ vẫn là chủ đạo, tỷ lệ các công trình lắp ghép rất thấp, phương thức xây dựng công trình khá rộng, mức độ phụ thuộc đối với lực lượng lao động, tài nguyên và môi trường khá cao, trong khi hiệu quả sản xuất lại thấp, chất lượng công trình vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề như chống thấm, bảo cách nhiệt..., phương thức dựa vào yếu tố chi phí thấp và đầu tư trước đây đang chuyển biến sang đổi mới. Trong tình hình này, việc tăng cường đổi mới kỹ thuật hết sức quan trọng. Ví dụ, sử dụng các kỹ thuật lắp ghép không những có thể trực tiếp giảm thiểu khoảng một nửa lượng bụi xây dựng, hơn nữa lại còn rút ngắn gần một nửa thời gian thi công, hiệu quả trong tiết kiệm vật liệu, tiết kiệm nước và năng lượng là hết sức rõ rệt, tác dụng tích cực của việc đổi mới kỹ thuật đối với nâng cấp chuyển đổi ngành Xây dựng là rõ ràng.

II. Phương hướng chuyển đổi của các doanh nghiệp xây dựng

Ngành Xây dựng đã bước vào thời kỳ quan trọng để đi sâu cải cách và chuyển đổi nâng cấp nhằm thích ứng với thời kỳ mới, cần nhận thức rõ phương hướng và xu thế phát triển chuyển đổi. Nhìn từ môi trường vĩ mô trong phát triển doanh nghiệp xây dựng và nhu cầu phát triển tự thân của doanh nghiệp, các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ sẽ chuyển biến theo những phương hướng dưới đây.

1. Phạm vi kinh doanh phát triển theo hướng toàn cầu hóa

Cùng với sự phát triển toàn cầu hóa, cạnh tranh trong ngành Xây dựng cũng thể hiện xu thế toàn cầu hóa, các doanh nghiệp xây dựng tham gia vào các dự án có giá trị gia tăng cao, hàm lượng kỹ thuật cao của quốc tế ngày càng nhiều. Vì vậy, trong quá trình phát triển của các doanh nghiệp xây dựng, cần có tư duy toàn cầu hóa, như vậy mới có thể nắm bắt được cơ hội

phát triển.

2. Phương thức sản xuất theo hướng hiện đại hóa

Hiện đại hóa ngành công nghiệp xây dựng chính là tuân thủ triết lý phát triển xanh, phát triển cacbon thấp, sử dụng phương thức sản xuất công nghiệp hóa, dựa vào các biện pháp tiên tiến về công nghệ thông tin và dựa vào đội ngũ xây dựng hiện đại hóa để tạo ra các công trình xanh, thông minh, tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường. Đây là yêu cầu của quốc tế cũng như nội bộ các nước đối với sự phát triển của ngành Xây dựng, cũng là lựa chọn tất yếu để thực hiện phát triển bền vững ngành Xây dựng. Trong tương lai phát triển, cần phải chú trọng hơn tới toàn vòng đời công trình, chú trọng tới việc mở rộng và ứng dụng các kỹ thuật mới, các vật liệu mới, thiết bị mới, công nghệ mới, từ đó đạt tới hiệu quả tiết kiệm năng lượng vào bảo vệ môi trường.

3. Triết lý kinh doanh theo hướng thị trường hóa

Cùng với sự hoàn thiện của quá trình thị trường hóa, tác dụng của định hướng thị trường sẽ ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, khi lập kế hoạch và mục tiêu phát triển, các doanh nghiệp xây dựng cần lấy thị trường làm định hướng, dùng ý thức thị trường để lập kế hoạch phát triển và kinh doanh. Thứ hai, cần nhận thức đầy đủ thuộc tính của các sản phẩm xây dựng, ngoài việc cung cấp các sản phẩm hữu hình, còn cần cung cấp các dịch vụ vô hình. Các doanh nghiệp cần đưa “dịch vụ” xuyên suốt toàn quá trình xây dựng công trình, thông qua tăng cường ý thức dịch vụ, năng lực dịch vụ để nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm xây dựng, có được sự công nhận của đông đảo chủ đầu tư và người sử dụng.

III. Biện pháp nâng cấp chuyển đổi của các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ

1. Đổi mới tư tưởng, khám phá những cơ hội phát triển mới

Các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ cần

kịp thời thay đổi quan niệm, biến áp lực thành động lực, quá trình chuyển đổi cần tìm kiếm điểm tăng trưởng kinh tế. Hiện tại, trọng điểm là bám sát bố cục để đẩy mạnh xây dựng đô thị hóa kiểu mới, trọng điểm phát triển dần dần chuyển biến từ dự án xây dựng công cộng quy mô lớn sang dự án cơ sở hạ tầng, thúc đẩy mở rộng khu vực từ đô thị lớn sang các đô thị vừa và nhỏ, trọng điểm hợp tác vừa cần bao gồm các doanh nghiệp lớn về thủy lợi, điện lực ..., vừa cần quan tâm tới các doanh nghiệp vừa và nhỏ của địa phương. Trong bất cứ lúc nào, thách thức đều tồn tại song hành cùng cơ hội. Tận dụng tốt thời kỳ nền tảng khi nền kinh tế giảm tốc độ, xây dựng tốt nền tảng phát triển chuyển đổi của doanh nghiệp, như vậy có thể giảm thiểu những tác động bất lợi đối với doanh nghiệp.

2. Đổi mới quản lý, tăng cường sức cạnh tranh nông cốt

Doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ cần bắt đầu từ bản thân bằng cách tăng cường sức cạnh tranh nông cốt. Cho dù ở phương thức sản xuất hay về mặt quản lý tài nguyên nhân lực đều cần tăng cường cải cách để thích ứng với thời kỳ mới. Ví dụ, trong phương thức sản xuất, trước hết cần kiên trì quy mô kinh doanh phù hợp, kiểm soát cung vượt cầu để tránh rủi ro thị trường. Thứ hai, trên cơ sở tổng thầu công trình hiện có, từ các phương diện như khảo sát, thiết kế, mua sắm, quản lý thi công, quản lý dự án... làm tốt việc phát triển các nghiệp vụ chủ đạo. Thêm vào đó, một số doanh nghiệp có điều kiện cũng có thể hướng tới các lĩnh vực phi công trình, tham gia vào các ngành công nghiệp mới nổi, thực hiện phát triển sâu theo cả chiều dọc và chiều ngang.

Ngoài ra, các doanh nghiệp xây dựng có loại hình khác nhau cần thực thi mô hình phát triển

có sự khác biệt. Đối với các doanh nghiệp xây dựng quy mô lớn, cần phát triển theo hướng lớn mạnh, xây dựng tập đoàn doanh nghiệp hàng đầu có sức ảnh hưởng quốc tế. Đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, cần tập trung phát triển, hình thành kết cấu hợp lý, xây dựng thương hiệu nổi bật, xây dựng bố cục phát triển với đặc trưng rõ ràng, điều này vừa có lợi cho sự phát triển của toàn ngành, cũng vừa có lợi cho việc hỗ trợ lẫn nhau giữa các doanh nghiệp khác nhau.

3. Đổi mới kỹ thuật, đi theo con đường đổi mới động lực phát triển

Đổi mới là linh hồn trong sự phát triển doanh nghiệp, cũng là khâu then chốt trong việc nâng cấp chuyển đổi của doanh nghiệp. Thông qua đổi mới kỹ thuật, doanh nghiệp nghiên cứu và phát triển ra các công nghệ và sản phẩm mới có hàm lượng kỹ thuật cao, có thể nâng cao hơn nữa chất lượng công trình và hiệu suất công tác, từ đó tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Đối với doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ, thông qua đổi mới kỹ thuật để phát triển năng lực sản xuất chuyên nghiệp hóa, hình thành đặc trưng phát triển tự thân, đồng thời có thể có được vị trí cao trong cạnh tranh thị trường. Điều cần chú ý đó là, các doanh nghiệp xây dựng vừa và nhỏ cần xây dựng môi trường đổi mới, đưa các kỹ thuật tiên tiến làm điểm tựa để nâng cấp chuyển đổi doanh nghiệp, nâng cao năng lực đổi mới tự chủ của doanh nghiệp, từ đó đẩy nhanh tốc độ nâng cấp chuyển đổi.

Chu Gia Bảo

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến Trúc

Trung Quốc, số 13/2018

ND: Kim Nhạn

Quản lý giám sát chất lượng công trình xây dựng

Cơ cấu tổ chức chính trong xây dựng công trình hiện nay sẽ phát triển theo hướng chuyên nghiệp hóa, phân công hợp lý hóa, cân bằng tổ chức, đặc điểm chủ đạo của nó là đơn vị nhận thầu quản lý có hiệu quả, phân thầu chuyên nghiệp phát triển, chế tạo lắp ghép thống nhất... Cơ cấu giám sát chất lượng công trình nên chủ động nghiêng về các đơn vị phân thầu, tiến hành quản lý giám sát trọng điểm đối với các bộ phận liên quan đến an toàn kết cấu chủ thể và chức năng sử dụng chính, công tác quản lý của đơn vị tổng thầu đối với đơn vị phân thầu...

1. Thực hiện bước nhảy vọt kỹ thuật trong giám sát chất lượng công trình

- Lắp ghép hóa công trình

Cơ cấu giám sát chất lượng công trình chủ yếu khai thác các công việc sau: Một là quản lý giám sát đối với đơn vị xây dựng và thiết kế. Bộ phận này chủ yếu thực hiện giảm thiểu các sự cố và rủi ro về chất lượng công trình, giảm những hiểm họa về chất lượng trong quá trình thi công ở giai đoạn đầu khi bắt đầu xây dựng công trình. Các biện pháp có thể sử dụng gồm có: Yêu cầu đơn vị xây dựng tổ chức thiết kế, giám sát, đơn vị thi công và đơn vị sản xuất các cấu kiện có liên quan khi đánh giá bản vẽ cần liệt ra danh sách các rủi ro: *Thứ nhất*, đối với các trình tự công trình và các bộ phận phức tạp hay các vấn đề chất lượng có thể xuất hiện cần đưa ra các kế hoạch xử lý tương ứng; *Thứ hai*, tăng cường quản lý giám sát đối với công tác quản lý thi công hiện trường; *Thứ ba*, tăng cường tiến hành kiểm tra giám sát tại chỗ đối với các bộ phận, các hạng mục nhỏ và việc kiểm tra nghiệm thu, đồng thời đẩy mạnh việc kiểm tra giám sát tại chỗ đối với tình hình thực hiện nhiệm vụ của nhân viên giám sát; *Thứ tư*, kết hợp tình hình thực tế để đưa ra các quy định địa phương có liên quan phù hợp với các công trình lắp ghép của địa phương, đồng thời tăng cường giao lưu học hỏi kỹ thuật từ những khu vực phát triển.

- Thông minh hóa thông tin

Hiện tại, khu vực nắm vững hoặc ứng dụng rộng rãi thông minh hóa thông tin chủ yếu tập trung tại các đô thị loại 1 và loại 2, các đơn vị nắm vững và ứng dụng rộng rãi thông minh hóa thông tin chủ yếu tập trung tại các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn và các doanh nghiệp niêm yết cá nhân, tuy nhiên đều lấy kỹ thuật BIM là chủ đạo. Cơ cấu giám sát chất lượng công trình tại các đô thị loại 3 và loại 4 hiện tại hiểu biết khá ít về các kỹ thuật thông tin. Trong một khoảng thời gian trong tương lai, cơ cấu giám sát chất lượng công trình cần chủ động học tập từ các doanh nghiệp có liên quan để nâng cao trình độ kỹ thuật tự thân.

- Tích hợp xanh

Trọng tâm của tích hợp xanh là phát triển xanh, cơ cấu giám sát chất lượng công trình trong quá trình mở rộng thi công xanh cần làm tốt hai “vai trò”: “người hỗ trợ kỹ thuật” và “người thi hành luật hành chính”. Phạm vi thi công xanh rất rộng, có một số nội dung sẽ đi ngược với những yêu cầu truyền thống. Trong trường hợp này, cơ cấu giám sát chất lượng công trình cần tiến hành kết nối và đàm phán với đơn vị có trách nhiệm để thảo luận về tính khả thi của các kỹ thuật có liên quan. Đây chính là “người hỗ trợ kỹ thuật”.

Khi đơn vị chịu trách nhiệm đứng tên công trình xanh, việc vi phạm các quy tắc là bất hợp pháp, ví dụ như đơn vị trách nhiệm lấy tên là kỹ thuật tái sinh bê tông, trong khi hiện trường lại vi phạm quy tắc trộn bê tông, cần nghiêm chỉnh căn cứ pháp luật để xử lý. Đây chính là “người thi hành luật hành chính”. Phân chia rõ ràng hai vai trò đòi hỏi cơ cấu giám sát nâng cao kỹ thuật tự thân, nếu không, không thể phân biệt đâu là kỹ thuật thi công xanh thực sự.

2. Tăng cường xây dựng tự thân, nâng cao trình độ quản lý giám sát

Cơ cấu giám sát chất lượng công trình cần

theo sát sự phát triển của ngành xây dựng, nhấn mạnh sự giám sát của lực lượng giám sát chính phủ đối với chất lượng công trình. Biện pháp chủ yếu có:

- *Thứ nhất*, xây dựng đội ngũ giám sát có thể đáp ứng nhu cầu của địa phương;

- *Thứ hai*, đề ra một loạt các tiêu chuẩn giám sát địa phương tương ứng với các kỹ thuật mới, căn cứ tình hình thực tế xây dựng lắp ghép ở địa phương để đề ra và công bố các biện pháp quản lý chất lượng, các quy tắc chi tiết về thực thi giám sát, những điểm quan trọng để kiểm soát chất lượng...;

- *Thứ ba*, tăng cường kiểm tra đối với các bộ phận quan trọng thuộc các dự án lớn có ảnh hưởng trong xã hội, kiểm tra giám sát đối với việc nghiệm thu các bộ phận quan trọng tại công trình công cộng quy mô lớn;

- *Thứ tư*, đẩy mạnh quản lý giám sát đối với cơ cấu kiểm tra công trình địa phương, nghiêm chỉnh ngăn chặn các cơ cấu kiểm tra không đủ tiêu chuẩn hoặc vượt quá tiêu chuẩn khi tiến hành kiểm tra, ngăn chặn việc đưa ra các báo cáo giả hay việc thiết bị hoặc tư cách nhân viên không đáp ứng yêu cầu liên quan.

Các quan niệm có liên quan tới tiêu chuẩn hóa thi hành pháp luật trong giám sát chất

lượng công trình sớm đã hình thành, bản chất là tiêu chuẩn hóa trình tự giám sát, tiêu chuẩn hóa nội dung giám sát và tiêu chuẩn hóa xử lý giám sát. Mục đích căn bản là ở mức độ nhất định giải quyết vấn đề không đồng đều trong trình độ nhân viên giám sát; ở mức độ nhất định xác định độ sâu và độ rộng của công tác giám sát; ở mức độ nhất định xác định trình tự cơ bản trong các vấn đề xử lý chất lượng và việc thực thi pháp luật của nhân viên giám sát; ở mức độ nhất định thống nhất cách thực và việc sử dụng ngôn ngữ trong các ghi chép.

Mục đích căn bản của hệ thống đánh giá chất lượng công trình nằm ở việc nâng cao ý thức chất lượng của chủ thể trách nhiệm tham gia xây dựng và nâng cao chất lượng công trình. Hệ thống này do cơ cấu giám sát chất lượng công trình làm chủ đạo, có thể liên kết với doanh nghiệp xây dựng, hiệp hội xây dựng, các trường đào tạo cao cấp, các cơ cấu kiểm tra... để thảo luận và đưa ra các quy tắc chi tiết về việc thực thi có liên quan.

Lý Khánh

*Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc,
số 12/2018*

ND: Kim Nhạn

HỘI THẢO GÓP Ý KIẾN CHO DỰ THẢO LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XÂY DỰNG 2014

Hà Nội, ngày 28 tháng 6 năm 2019



Thứ trưởng Lê Quang Hùng phát biểu kết luận Hội thảo



Các đại biểu góp ý cho dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Xây dựng